

DANH SÁCH DỊCH VỤ KỸ THUẬT NHI ĐÃ TRIỂN KHAI

STT (cột 1)	STT thông tư 23	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)	Người chịu trách nhiệm (cột 5)	Chứng chỉ liên quan (cột 6)	Ghi chú
1	147	1.147	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng	BSCKI Phan Thị Thủy Trang; BSCKI Trần Thế Phương; BSCKI Rô Chăm Nhén; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Thanh Tâm; BS. Nguyễn Anh Tuấn; BS. Lê Thị Thảo; BS. Thái Trung Hiếu; CNDD. Đỗ Thị Lợi; ; CNDD. A Lê Xuân Đồng; CNDD. Phan Thị Bày; CNDD. Siu H' Lãi; CNDD. Trương Thị Lệ Thu; CĐDD. Trần Thị Kim Phương; CNDD. Tạ Thị Hồng Dáng		
2	15	1,15	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	BSCKI Phan Thị Thủy Trang; BSCKI Trần Thế Phương; BSCKI Rô Chăm Nhén; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Thanh Tâm; BS. Nguyễn Anh Tuấn; BS. Lê Thị Thảo; BS. Thái Trung Hiếu; CNDD. Đỗ Thị Lợi; ; CNDD. A Lê Xuân Đồng; CNDD. Phan Thị Bày; CNDD. Siu H' Lãi; CNDD. Trương Thị Lệ Thu; CĐDD. Trần Thị Kim Phương; CNDD. Tạ Thị Hồng Dáng		
3	172	1,172	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
4	176	1.176	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
5	177	1.177	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tách (CVVHD)	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
6	178	1.178	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
7	179	1.179	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy đa tạng	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
8	18	1.18	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	BSCKI Trần Thế Phương; BSCKI Rô Chăm Nhén; BS. Nguyễn Thanh Tâm; Trần Thị Hồng		
9	180	1.180	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh viêm tụy cấp	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
10	181	1.181	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
11	182	1.182	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
12	183	1.183	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
13	184	1.184	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
14	185	1.185	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
15	186	1.186	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
16	187	1.187	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy thận cấp do tiêu	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
17	192	1.192	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương sử dụng huyết tương	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
18	193	1.193	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương sử dụng albumin	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
19	195	1.195	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong hội chứng Guillain-Barré, nhược cơ	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
20	196	1.196	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong Lupus ban đỏ rải rác	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
21	198	1.198	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong suy gan cấp	BSCKI Trần Thế Phương; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Anh Tuấn; CNDD. Phan Thị Bày; CĐDD. Trần Thị Kim Phương		
22	201	1.201	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Soi đáy mắt cấp cứu			
23	224	1.224	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)			
24	26	1.26	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)			
25	261	1.261	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)			
26	303	1.303	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh			
27	304	1.304	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Chụp X-quang cấp cứu tại giường			
28	32	1.32	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	BSCKI Phan Thị Thủy Trang; BSCKI Trần Thế Phương; BSCKI Rô Chăm Nhén; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Thanh Tâm; BS. Nguyễn Anh Tuấn; BS. Lê Thị Thảo; BS. Thái Trung Hiếu ; CNDD. Đỗ Thị Lợi; ; CNDD. A Lê Xuân Đồng; CNDD. Phan Thị Bày; CNDD. Siu H' Lãi; CNDD. Trương Thị Lệ Thu; CĐDD. Trần Thị Kim Phương; CNDD. Tạ Thị Hồng Dáng		
29	51	1.51	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Hồi sức chống sốc	BSCKI Phan Thị Thủy Trang; BSCKI Trần Thế Phương; BSCKI Rô Chăm Nhén; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Thanh Tâm; BS. Nguyễn Anh Tuấn; BS. Lê Thị Thảo; BS. Thái Trung Hiếu ; CNDD. Đỗ Thị Lợi; ; CNDD. A Lê Xuân Đồng; CNDD. Phan Thị Bày; CNDD. Siu H' Lãi; CNDD. Trương Thị Lệ Thu; CĐDD. Trần Thị Kim Phương; CNDD. Tạ Thị Hồng Dáng		
30	57	1.57	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua gọng kính	Lê Khoa, Trần Công Khánh, R'ô Mười, Võ Thành Đông, Phạm Thị Kim Liên		
31	59	1.59	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van)	Lê Khoa, Trần Công Khánh, R'ô Mười, Võ Thành Đông, Phạm Thị Kim Liên		
32	6	1.6	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van)	Lê Khoa, Trần Công Khánh, R'ô Mười, Võ Thành Đông, Phạm Thị Kim Liên		
33	61	1.61	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	BSCKI Phan Thị Thủy Trang; BSCKI Trần Thế Phương; BSCKI Rô Chăm Nhén; BS. Bùi Quốc Long; BS. Nguyễn Thanh Tâm; BS. Nguyễn Anh Tuấn; BS. Lê Thị Thảo; BS. Thái Trung Hiếu ; CNDD. Đỗ Thị Lợi; ; CNDD. A Lê Xuân Đồng; CNDD. Phan Thị Bày; CNDD. Siu H' Lãi; CNDD. Trương Thị Lệ Thu; CĐDD. Trần Thị Kim Phương; CNDD. Tạ Thị Hồng Dáng		
34	77	1.77	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay ống nối khí quản			
35	78	1.78	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Rút ống nối khí quản			
36	79	1.79	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Rút canyvn khí quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		BS chuyên khoa II tại tỉnh nòng; BS chuyên khoa I
37	80	1.80	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay canyvn mở khí quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		BS chuyên khoa II tại tỉnh nòng; BS chuyên khoa I

38	552	2.15	02. NỘI KHOA	Hút đờm hầu họng	Thị Diễm Hương, Nguyễn Hoàng Minh Uyên, Phan Văn Khiêm, Trần Quốc Nhu,	
39		2.252	02. NỘI KHOA	Mở thông da dầy bằng nội soi		
40		2.253	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - da dầy - tá tràng cấp cứu	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
41		2.254	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - da dầy - tá tràng có dùng thuốc tiền mê	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
42		2.255	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - da dầy - tá tràng qua đường mũi	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
43		2.256	02. NỘI KHOA	Nội soi trực tràng ống mềm	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
44		2.257	02. NỘI KHOA	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
45		2.259	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
46		2.26	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc tiền mê	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
47		2.262	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
48		2.264	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - tiêm xơ búi giãn tĩnh mạch thực quản		
49		2.265	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - thắt búi giãn tĩnh mạch thực quản bằng vòng cao su		
50		2.268	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - sinh thiết niêm mạc ống tiêu hóa	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
51		2.271	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - tiêm cầm máu	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
52		2.272	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
53		2.285	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - kẹp clip cầm máu	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
54		2.287	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - nhuộm màu chẩn đoán ung thư sớm		
55		2.288	02. NỘI KHOA	Nội soi ổ bụng		
56		2.29	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - gặt sỏi, đi vật ống tiêu hóa	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
57		2.293	02. NỘI KHOA	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
58		2.294	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ cận thiệp cấp cứu	Trần Thị Thanh Hiền	
59		2.295	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1 cm	Trần Thị Thanh Hiền	
60		2.296	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1 cm hoặc nhiều polyp	Trần Thị Thanh Hiền	
61		2.298	02. NỘI KHOA	Nội soi cận thiệp - tiêm chất keo búi giãn tĩnh mạch phình vị		
62		2.299	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - da dầy - tá tràng dài tân hẹp (NBt)	Trần Công Khánh	
63		2.3	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ dài tân hẹp (NBt)		
64		2.301	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - da dầy - tá tràng độ phân giải cao (HDTV)		
65		2.302	02. NỘI KHOA	Nội soi đại trực tràng toàn bộ độ phân giải cao (HDTV)		
66		2.304	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - da dầy - tá tràng có sinh thiết	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
67		2.305	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - da dầy - tá tràng không sinh thiết	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
68		2.306	02. NỘI KHOA	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
69		2.307	02. NỘI KHOA	Nội soi đại tràng sigma có sinh thiết	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
70		2.308	02. NỘI KHOA	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
71		2.309	02. NỘI KHOA	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
72		3.1	03. NỘI KHOA	Rút catheter khí quản		BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS chuyên khoa I
73		3.1001	03. NỘI KHOA	Nội soi tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS chuyên khoa I
74		3.1002	03. NỘI KHOA	Nội soi mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS chuyên khoa I
75		3.1003	03. NỘI KHOA	Nội soi họng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS chuyên khoa I
76		3.101	03. NỘI KHOA	Thay canyvn mở khí quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS chuyên khoa I
77		3.1013	03. NỘI KHOA	Nội soi thanh quản ống mềm có thể sinh thiết		
78		3.1014	03. NỘI KHOA	Nội soi phế quản ống mềm		
79		3.1015	03. NỘI KHOA	Nội soi phế quản ống cứng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS chuyên khoa I
80		3.102	03. NỘI KHOA	Chăm sóc lỗ mở khí quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS
81		3.1021	03. NỘI KHOA	Nội soi phế quản lấy dị vật (ống cứng, ống mềm)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS chuyên khoa I
82		3.1022	03. NỘI KHOA	Nội soi phế quản qua ống nội khí quản		
83		3.1024	03. NỘI KHOA	Nội soi lồng ngực lấy máu tu trong chấn thương ngực		
84		3.1026	03. NỘI KHOA	Nội soi lồng ngực để chẩn đoán và điều trị	Dương Trung Chiến , Phạm Văn Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh	Phẫu thuật nội soi ổ bụng cơ bản
85		3.1029	03. NỘI KHOA	Nội soi màng phổi để chẩn đoán và điều trị	Dương Trung Chiến , Phạm Văn Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh	Phẫu thuật nội soi ổ bụng cơ bản
86		3.103	03. NỘI KHOA	Làm ấm đường thở qua máy phun sương mù		
87		3.103	03. NỘI KHOA	Nội soi lồng ngực chẩn đoán	Dương Trung Chiến , Phạm Văn Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh	Phẫu thuật nội soi ổ bụng cơ bản
88		3.1036	03. NỘI KHOA	Nội soi tiêu hóa dưới gáy mẹ (da dầy - đại tràng)	Trần Thị Thanh Hiền	
89		3.104	03. NỘI KHOA	Mở màng giáp nhân cấp cứu		
90		3.105	03. NỘI KHOA	Thời ngạt	Thị Diễm Hương, Nguyễn Hoàng Minh Uyên, Phan Văn Khiêm, Trần Quốc Nhu,	
91		3.1052	03. NỘI KHOA	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán		
92		3.1055	03. NỘI KHOA	Nội soi ổ bụng- sinh thiết		
93		3.1056	03. NỘI KHOA	Nội soi da dầy thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
94		3.1059	03. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - da dầy, lấy dị vật	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
95		3.106	03. NỘI KHOA	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	Thị Diễm Hương, Nguyễn Hoàng Minh Uyên, Phan Văn Khiêm, Trần Quốc Nhu,	
96		3.106	03. NỘI KHOA	Siêu âm nội soi da dầy, thực quản		
97		3.1063	03. NỘI KHOA	Nội soi đại tràng - lấy dị vật	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
98		3.1066	03. NỘI KHOA	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền	
99		3.107	03. NỘI KHOA	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	Ksor H' Nhât, Văn Thị Diễm Hương, Nguyễn Hoàng Minh Uyên, Phan Văn Khiêm,	
100		3.108	03. NỘI KHOA	Thở oxy song kính		
101		3.109	03. NỘI KHOA	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi		
102		3.11	03. NỘI KHOA	Thở oxy qua mặt nạ có túi		
103		3.111	03. NỘI KHOA	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)		
104		3.112	03. NỘI KHOA	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn		
105		3.113	03. NỘI KHOA	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Ksor H' Nhât, Văn Thị Diễm Hương, Nguyễn Hoàng Minh Uyên, Phan Văn Khiêm,	
106		3.12	03. NỘI KHOA	Dùng thuốc chống đông và tiêu sợi huyết		
107		3.123	03. NỘI KHOA	Dẫn lưu bề thân qua da cấp cứu	Dương Trung Chiến , Phạm Văn Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh	Chuyên khoa cấp II ngoại cứu, Chuyên khoa cấp I
108		3.125	03. NỘI KHOA	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	Dương Trung Chiến , Phạm Văn Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh	Chuyên khoa cấp II ngoại cứu, Chuyên khoa cấp I
109		3.1261	03. NỘI KHOA	Gây mê cho đại phẫu ngực ở trẻ em	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
110		3.1262	03. NỘI KHOA	Giám đau sau phẫu thuật bằng kết hợp thuốc qua kim CSE	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
111		3.1265	03. NỘI KHOA	Kỹ thuật đặt nội khí quản 2 nồng	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
112		3.1266	03. NỘI KHOA	Kỹ thuật đặt nội khí quản 1 bên với nồng chặn (blocker)	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
113		3.1268	03. NỘI KHOA	Kỹ thuật hạ thân nhiệt chủ huy		

114		3.1269	03. NHI KHOA	Kỹ thuật mê tĩnh mạch theo TCi	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
115		3.128	03. NHI KHOA	Kỹ thuật đo và theo dõi SpO2	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
116		3.1281	03. NHI KHOA	Kỹ thuật đo và theo dõi SV02	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
117		3.1283	03. NHI KHOA	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt bằng máy		
118		3.1284	03. NHI KHOA	Theo dõi Hb trong phòng mổ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
119		3.1285	03. NHI KHOA	Theo dõi Hct trong phòng mổ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
120		3.1286	03. NHI KHOA	Theo dõi đông máu trong phòng mổ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
121		3.1287	03. NHI KHOA	Theo dõi khí máu trong phòng mổ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
122		3.1288	03. NHI KHOA	Theo dõi truyền dịch bằng máy đếm giọt	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
123		3.1289	03. NHI KHOA	Theo dõi truyền máu bằng máy đếm giọt	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
124		3.129	03. NHI KHOA	Mở thông bằng quang trên xương mu	Đang trình CMCN, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II (nguyên cứu), Chuyên khoa cấp I (nguyên cứu)
125		3.129	03. NHI KHOA	Kỹ thuật pha loãng máu trong khi mổ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
126		3.1291	03. NHI KHOA	Kỹ thuật pha loãng máu đông thể tích cấp tính ngay trước mổ		
127		3.1292	03. NHI KHOA	Kỹ thuật lấy lại máu trong mổ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
128		3.1293	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang NMC ngược đường giữa	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
129		3.1294	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê đặt kim kết hợp từ sống - NMC	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
130		3.1295	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê khoang cứng	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
131		3.1296	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê đám rối thất lưng	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
132		3.1297	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê cạnh nhận cầu	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
133		3.1298	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê thần kinh bằng máy đo thần kinh	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
134		3.1309	03. NHI KHOA	GMHS cho phẫu thuật vết thương tím, chấn thương tím, chèn ép tim	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
135		3.1312	03. NHI KHOA	GMHS cho phẫu thuật thành ngực	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
136		3.1313	03. NHI KHOA	GMHS cho mở màng phổi tối đa	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
137		3.1314	03. NHI KHOA	GMHS cho khâu vết thương nhu mô phổi	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
138		3.1315	03. NHI KHOA	GMHS cho cắt phổi theo tổn thương	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
139		3.1316	03. NHI KHOA	GMHS cho bóc màng phổi trong dây định màng phổi, lấy mẫu cục	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
140		3.1317	03. NHI KHOA	GMHS cho phẫu thuật cơ hoành rách do chấn thương qua đường ngực	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
141		3.1318	03. NHI KHOA	GMHS cho phẫu thuật thực quản	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
142		3.132	03. NHI KHOA	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Đang trình CMCN, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II (nguyên cứu), Chuyên khoa cấp I (nguyên cứu)
143		3.132	03. NHI KHOA	GMHS cho phẫu thuật lớn trên da dầy, ruột	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
144		3.1321	03. NHI KHOA	GMHS thận niệu quản	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
145		3.1322	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật nội soi ổ bụng	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
146		3.1325	03. NHI KHOA	GMHS trên người bệnh béo phì	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
147		3.1326	03. NHI KHOA	An thần cho nội soi đường tiêu hóa	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
148		3.1327	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật gan, mật, lách, tạng	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
149		3.1329	03. NHI KHOA	GMHS người bệnh chấn thương cổ sọ, da chấn thương	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
150		3.133	03. NHI KHOA	Thông tiểu	Đang trình CMCN, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II (nguyên cứu), Chuyên khoa cấp I (nguyên cứu)
151		3.1332	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật cắt bàng quang	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
152		3.1334	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật bướu cổ to	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
153		3.134	03. NHI KHOA	Hội sức chống sốc	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
154		3.134	03. NHI KHOA	GMHS trên người bệnh có hen phế quản	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
155		3.1341	03. NHI KHOA	GMHS trên người bệnh có tiền sử hay bệnh dị ứng	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
156		3.1342	03. NHI KHOA	GMHS trên người giảm chức năng thần hay suy thần	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
157		3.1343	03. NHI KHOA	GMHS trên người bị suy giảm chức năng gan	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
158		3.1344	03. NHI KHOA	GMHS trên người bệnh bị sốc, suy thở	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
159		3.1346	03. NHI KHOA	GMHS trên người bệnh tiêu đường	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
160		3.1347	03. NHI KHOA	GMHS trên người bệnh nhược cơ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
161		3.1349	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật mắt ở trẻ em	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
162		3.1351	03. NHI KHOA	Đặt NKO khó trong phẫu thuật hàm mắt	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
163		3.1352	03. NHI KHOA	Gây mê phẫu thuật chấn thương vùng hàm mắt	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
164		3.1354	03. NHI KHOA	Gây mê lấy dị vật đường hô hấp	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
165		3.1355	03. NHI KHOA	GMHS cho các phẫu thuật TMH	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
166		3.1356	03. NHI KHOA	GMHS nao VA ở trẻ em	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
167		3.1357	03. NHI KHOA	GMHS trung phẫu ngực ở trẻ em	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
168		3.1358	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật bụng lớn ở trẻ em	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
169		3.1359	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật xương ở trẻ em	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
170		3.136	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng Morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
171		3.1361	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphine qua khoang NMC	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
172		3.1362	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphine qua khoang NMC	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
173		3.1363	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm morphine thuốc tê theo kiểu PCEA	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
174		3.1366	03. NHI KHOA	Thở máy xâm nhập ở người bệnh SARD		
175		3.137	03. NHI KHOA	Xử trí tăng áp lực nội sọ		
176		3.137	03. NHI KHOA	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch	Ksor H' Nhất, Văn Thị Diễm Hương, Nguyễn Hoàng Minh Uyên, Phan Văn Khiêm,	
177		3.1371	03. NHI KHOA	Điều trị rò đường tiêu hóa (nuôi dưỡng, hút liên tục đường rò)	Đang trình CMCN, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	
178		3.1372	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
179		3.1373	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
180		3.1374	03. NHI KHOA	Kỹ thuật đặt mask thành quản	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
181		3.1376	03. NHI KHOA	Kỹ thuật đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
182		3.1377	03. NHI KHOA	Kỹ thuật đặt nội khí quản khi đã đầy dầy	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
183		3.1379	03. NHI KHOA	Kỹ thuật đặt nội khí quản qua mũi	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
184		3.138	03. NHI KHOA	Kỹ thuật thường quy đặt nội khí quản khó	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
185		3.1381	03. NHI KHOA	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó với ống soi mềm	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
186		3.1382	03. NHI KHOA	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó với đèn Mac Cov (đèn có mũi điều khiển).	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
187		3.1383	03. NHI KHOA	Kỹ thuật đặt nội khí quản khó ngược dòng	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
188		3.1384	03. NHI KHOA	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	
189		3.1385	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây mê vòng kín có với soda	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn	

190		3.1386	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
191		3.1387	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây mê bằng ống magill	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
192		3.1388	03. NHI KHOA	Kỹ thuật thông khí qua màng giáp nhân	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
193		3.1389	03. NHI KHOA	Kỹ thuật nâng thân nhiệt chỉ huy			
194		3.139	03. NHI KHOA	Kỹ thuật sản sọc theo dõi ống thông tiểu			
195		3.1391	03. NHI KHOA	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
196		3.1392	03. NHI KHOA	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
197		3.1393	03. NHI KHOA	Kỹ thuật theo dõi người bệnh trong và sau mê	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
198		3.1394	03. NHI KHOA	Kỹ thuật xử lý thường quy các tai biến trong và sau vô cảm	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
199		3.1395	03. NHI KHOA	Kỹ thuật vô cảm ngoài phòng mổ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
200		3.1396	03. NHI KHOA	Kỹ thuật vô cảm nắn xương	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
201		3.1397	03. NHI KHOA	Theo dõi nhịp tim qua ống nghe thực quản			
202		3.1398	03. NHI KHOA	Kỹ thuật theo dõi giãn cơ bằng máy	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
203		3.1399	03. NHI KHOA	Kỹ thuật theo dõi SpO2	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
204		3.14	03. NHI KHOA	Kỹ thuật theo dõi EtCO2	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
205		3.1401	03. NHI KHOA	Kỹ thuật theo dõi HADM bằng phương pháp xâm lấn	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
206		3.1402	03. NHI KHOA	Kỹ thuật theo dõi HADM không xâm lấn bằng máy	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
207		3.1403	03. NHI KHOA	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
208		3.1404	03. NHI KHOA	Thử phôm máu trước truyền máu	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
209		3.1405	03. NHI KHOA	Truyền dịch thường quy	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
210		3.1406	03. NHI KHOA	Truyền máu thường quy	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
211		3.1407	03. NHI KHOA	Kỹ thuật chọc đặt kim luồn tĩnh mạch ngoại biên trẻ em	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
212		3.1408	03. NHI KHOA	Kỹ thuật lấy lại máu trong mổ bằng phương pháp thủ công			
213		3.1409	03. NHI KHOA	Kỹ thuật truyền dịch trong sọc	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
214		3.141	03. NHI KHOA	Kỹ thuật truyền máu trong sọc	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
215		3.1411	03. NHI KHOA	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
216		3.1412	03. NHI KHOA	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
217		3.1413	03. NHI KHOA	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
218		3.1414	03. NHI KHOA	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cánh trong	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
219		3.1415	03. NHI KHOA	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cánh ngoài	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
220		3.1416	03. NHI KHOA	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch đùi	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
221		3.1417	03. NHI KHOA	Kỹ thuật chọc tủy sống đường giữa	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
222		3.1418	03. NHI KHOA	Kỹ thuật chọc tủy sống đường bên	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
223		3.1419	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng (NMC) thắt lưng	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
224		3.142	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang NMC thắt lưng đường bên	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
225		3.1421	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê đám rọi cánh tay đường trên xương đòn	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
226		3.1422	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê đám rọi cánh tay đường gian cơ bảc thang	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
227		3.1423	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê đám rọi cánh tay đường nách	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
228		3.1424	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê đám rọi cổ nông	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
229		3.1425	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê đám rọi cổ sâu	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
230		3.1426	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
231		3.1427	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
232		3.1428	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê thần kinh hông to	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
233		3.1429	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê 3 trong 1	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
234		3.143	03. NHI KHOA	Siêu âm doppler xuyên sọ			
235		3.143	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
236		3.1431	03. NHI KHOA	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
237		3.1432	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật đóng mạch, tĩnh mạch ngoại biên	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
238		3.1433	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật rạch cơ hoành qua đường bụng	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
239		3.1434	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật thông da đày, khâu lỗ thủng da đày, ruột non đơn thuần	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
240		3.1435	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật viêm ruột thừa, viêm phúc mạc, áp xe ruột thừa	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
241		3.1436	03. NHI KHOA	Vô cảm phẫu thuật thoát vị bẹn	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
242		3.1437	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật vùng đáy chậu, hậu môn, bẹn, bìu	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
243		3.1438	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật chi trên	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
244		3.1439	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật chi dưới	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
245		3.144	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
246		3.1441	03. NHI KHOA	GMHS người bệnh chấn thương không sọc, sọc nhẹ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
247		3.1442	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật bướu cổ nhỏ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
248		3.1443	03. NHI KHOA	Gây mê để thay băng người bệnh bỏng	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
249		3.1444	03. NHI KHOA	Gây mê, gây tê cắt Amidan ở trẻ em	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
250		3.1445	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
251		3.1446	03. NHI KHOA	GMHS phẫu thuật thoát vị bẹn, nước màng tinh hoàn ở trẻ em	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
252		3.1447	03. NHI KHOA	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em: trích áp xe, lấy	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
253		3.1448	03. NHI KHOA	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
254		3.1449	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm Morphine cách quãng dưới da	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
255		3.145	03. NHI KHOA	Vệ sinh, vô trùng phòng phẫu thuật			
256		3.1451	03. NHI KHOA	Tiết trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS			
257		3.1454	03. NHI KHOA	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
258		3.1455	03. NHI KHOA	Theo dõi HA liên tục tại giường	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
259		3.1456	03. NHI KHOA	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
260		3.1458	03. NHI KHOA	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
261		3.1459	03. NHI KHOA	Chăm sóc catheter động mạch	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
262		3.146	03. NHI KHOA	Chọc dò tủy sống trẻ sơ sinh	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
263		3.146	03. NHI KHOA	Thử máu xâm nhập, không xâm nhập với các phương thức khác nhau	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
264		3.1461	03. NHI KHOA	Mở khí quản trên người bệnh có hay không có ống nội khí quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS	
265		3.1462	03. NHI KHOA	Thở oxy gong kính			

266		3.1463	03. NHI KHOA	Thở oxy qua mặt nạ			
267		3.1464	03. NHI KHOA	Thở oxy qua ống chữ T			
268		3.1465	03. NHI KHOA	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng trắng			
269		3.1466	03. NHI KHOA	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông da dầy			
270		3.1467	03. NHI KHOA	Liều phẫu kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật			
271		3.1468	03. NHI KHOA	Dự phòng tác tính mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương			
272		3.1469	03. NHI KHOA	Điều trị rối loạn đông máu trong ngoại khoa			
273		3.147	03. NHI KHOA	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật,			
274		3.1472	03. NHI KHOA	Thay băng điều trị bỏng nông, trên 20% diện tích cơ thể ở trẻ em	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
275		3.1473	03. NHI KHOA	Thay băng điều trị bỏng sâu, trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
276		3.1477	03. NHI KHOA	Ghép da tự thân kiểu mắt lưới (mesh graft), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
277		3.1478	03. NHI KHOA	Ghép da tự thân kiểu tem thư (post stom), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
278		3.148	03. NHI KHOA	Chọc dịch tủy sống	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
279		3.1481	03. NHI KHOA	Ghép da tự thân kiểu hai lớp (sandwich), trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
280		3.1483	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da mỏng tự thân, trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
281		3.1484	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da dày tự thân, trên 1% diện tích cơ thể ở trẻ	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
282		3.1489	03. NHI KHOA	Thay băng điều trị bỏng nông, từ 10% đến 20% diện tích cơ thể ở trẻ em	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
283		3.149	03. NHI KHOA	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
284		3.149	03. NHI KHOA	Thay băng điều trị bỏng sâu, dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
285		3.1491	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu tiến, dưới 3% diện tích cơ thể từ lớn ở trẻ em	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
286		3.1492	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử bỏng sâu kiểu toàn lớp, dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
287		3.1493	03. NHI KHOA	Ghép da tự thân kiểu mảnh lớn, dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
288		3.1494	03. NHI KHOA	Ghép da tự thân kiểu mắt lưới (mesh graft), dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
289		3.1495	03. NHI KHOA	Ghép da tự thân kiểu tem thư (post stom), dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
290		3.1496	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da mỏng tự thân, dưới 3% diện tích cơ thể ở	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
291		3.1497	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử toàn lớp - ghép da dày tự thân, dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
292		3.15	03. NHI KHOA	Vấn đông trị liệu cho người bệnh bất động tại	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
293		3.1501	03. NHI KHOA	Sử dụng các sản phẩm tự nuôi cấy tế bào da dùng dịch để điều trị vết	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
294		3.1502	03. NHI KHOA	Cắt chi chi thể cấp cứu, trên người bệnh bỏng sâu chi thể không còn khả	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
295		3.1503	03. NHI KHOA	Cắt chi chi thể trong điều trị, trên người bệnh bỏng sâu chi thể không còn	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
296		3.1504	03. NHI KHOA	Chào khớp trong điều trị người bệnh bỏng sâu chi thể không còn khả	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
297		3.1505	03. NHI KHOA	Phẫu thuật khoan, đục xương chi thể, lấy bỏ xương chết trong điều trị	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
298		3.1507	03. NHI KHOA	Tâm điều trị người bệnh bỏng	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
299		3.151	03. NHI KHOA	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
300		3.1512	03. NHI KHOA	Rạch hoại tử bỏng sâu giải phòng chèn ép trong	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
301		3.1513	03. NHI KHOA	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu do	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
302		3.1514	03. NHI KHOA	Bóc lột tĩnh mạch ngoại vi	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
303		3.1515	03. NHI KHOA	Nằm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
304		3.1516	03. NHI KHOA	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
305		3.1517	03. NHI KHOA	Nằm rửa điều trị vết thương mạn tính	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
306		3.1518	03. NHI KHOA	Cắt đáy ổ loét vết thương mạn tính	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
307		3.1519	03. NHI KHOA	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
308		3.152	03. NHI KHOA	Soi đáy mắt cấp cứu	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
309		3.152	03. NHI KHOA	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48h điều trị vết thương mạn tính	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
310		3.153	03. NHI KHOA	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (da dày, tiêu trắng, đại trắng)	Kỳá Xuân, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Xuân Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
311		3.154	03. NHI KHOA	Mở thông da dầy bằng nội soi	Dương Thị Chiến, Trần Thị Hiền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Thiên, Trần Thị Hiền		
312		3.155	03. NHI KHOA	Nội soi da dầy cầm máu	Trần Công Khánh, Trần Thị Thanh Hiền		
313		3.157	03. NHI KHOA	Cầm máu thực quản qua nội soi			
314		3.158	03. NHI KHOA	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm			
315		3.1581	03. NHI KHOA	Lấy đi vật hóc mắt			
316		3.1582	03. NHI KHOA	Lấy đi vật trong cùng mạc			
317		3.1583	03. NHI KHOA	Lấy đi vật tiền phòng			
318		3.1586	03. NHI KHOA	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ ± tách định mị câu			
319		3.159	03. NHI KHOA	Soi da dầy thực quản chẩn đoán và cầm máu			
320		3.1591	03. NHI KHOA	Trích mù mắt			
321		3.1599	03. NHI KHOA	Đóng lỗ rò đường lệ			
322		3.16	03. NHI KHOA	Soi đại tràng cầm máu			
323		3.161	03. NHI KHOA	Soi đại tràng sinh thiết			
324		3.162	03. NHI KHOA	Nội soi trực tràng cấp cứu	Trần Thị Thanh Hiền		
325		3.1624	03. NHI KHOA	Lấy da mị sa (mị trên, mị dưới, 2 mị) ± lấy mỡ dưới da mị			
326		3.163	03. NHI KHOA	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	Dương Thị Chiến, Trần Thị Hiền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Thiên, Trần Thị Hiền	Chuyên khoa cấp II ngoại rùn, Chuyên khoa cấp I	
327		3.164	03. NHI KHOA	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	Dương Thị Chiến, Trần Thị Hiền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Thiên, Trần Thị Hiền	Chuyên khoa cấp II ngoại rùn, Chuyên khoa cấp I	
328		3.165	03. NHI KHOA	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Dương Thị Chiến, Trần Thị Hiền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Thiên, Trần Thị Hiền	Chuyên khoa cấp II ngoại rùn, Chuyên khoa cấp I	
329		3.1653	03. NHI KHOA	Khám mắt và điều trị cơ gáy mê			
330		3.1654	03. NHI KHOA	Tập nhước thì			
331		3.1655	03. NHI KHOA	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất,...)			
332		3.1656	03. NHI KHOA	Cắt bỏ túi lệ			
333		3.1657	03. NHI KHOA	Phẫu thuật mỏng đơn thuần			
334		3.1658	03. NHI KHOA	Lấy đi vật giác mạc			
335		3.1659	03. NHI KHOA	Cắt bỏ chấp có bọc			
336		3.166	03. NHI KHOA	Khâu cõ mị, tháo cõ			
337		3.1661	03. NHI KHOA	Chích dẫn lưu túi lệ			
338		3.1663	03. NHI KHOA	Khâu da mị			
339		3.1664	03. NHI KHOA	Khâu phục hồi bờ mị			
340		3.1665	03. NHI KHOA	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mặt			
341		3.1666	03. NHI KHOA	Khâu phủ kết mạc			

342		3.1667	03. NHI KHOA	Khâu giác mạc			
343		3.1668	03. NHI KHOA	Khâu củng mạc			
344		3.1669	03. NHI KHOA	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc			
345		3.167	03. NHI KHOA	Đặt ống thông da dầy	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
346		3.167	03. NHI KHOA	Khâu lại nếp mô giác mạc, củng mạc			
347		3.1673	03. NHI KHOA	Bơm hơi tiền phòng			
348		3.1674	03. NHI KHOA	Cắt bỏ nhân cầu ± cắt thị thần kinh dài			
349		3.1675	03. NHI KHOA	Mục nội nhãn			
350		3.1677	03. NHI KHOA	Phẫu thuật quặm (Panax, Cuenod, Nataf, Trabut)			
351		3.168	03. NHI KHOA	Rửa da dầy cấp cứu	Lê Khoa, Trần Công Khánh, R'ò Mươi, Võ Thành Đông, Phạm Thị Kim Liên		
352		3.168	03. NHI KHOA	Mô quặm bẩm sinh			
353		3.1681	03. NHI KHOA	Cắt chỉ khâu giác mạc			
354		3.1682	03. NHI KHOA	Tiêm dưới kết mạc			
355		3.1683	03. NHI KHOA	Tiêm cạnh nhãn cầu			
356		3.1685	03. NHI KHOA	Bơm thông lệ đạo			
357		3.1686	03. NHI KHOA	Lấy máu làm huyết thanh			
358		3.1688	03. NHI KHOA	Khâu kết mạc			
359		3.1689	03. NHI KHOA	Lấy calci đông dưới kết mạc			
360		3.169	03. NHI KHOA	Rửa da dầy loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín			
361		3.169	03. NHI KHOA	Cắt chỉ khâu kết mạc			
362		3.1692	03. NHI KHOA	Bơm rửa lệ đạo			
363		3.1693	03. NHI KHOA	Trích chấp, leo, trích áp xe mi, kết mạc			
364		3.1694	03. NHI KHOA	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi			
365		3.1695	03. NHI KHOA	Rửa củng đồ			
366		3.1697	03. NHI KHOA	Bóc giả mạc			
367		3.1698	03. NHI KHOA	Rạch áp xe mi			
368		3.1699	03. NHI KHOA	Soi đáy mắt trực tiếp			
369		3.1702	03. NHI KHOA	Soi góc tiền phòng			
370		3.1703	03. NHI KHOA	Cắt chỉ khâu da	Bs Nguyễn Văn Châu, BS Nguyễn Thị Sim, BS Yer	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS	
371		3.1704	03. NHI KHOA	Cấp cứu bong mắt ban đầu			
372		3.1705	03. NHI KHOA	Theo dõi nhãn áp 3 ngày			
373		3.1706	03. NHI KHOA	Lấy đi vật kết mạc			
374		3.1707	03. NHI KHOA	Khám mắt			
375		3.171	03. NHI KHOA	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu			
376		3.172	03. NHI KHOA	Cho ăn qua ống thông da dầy	Trần Thị Trang (Khoa II), Trầm Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung (Khoa II) (Khoa II), Ksor H' Nhah, Văn Thị Diễm Hương, Nguyễn Hoàng Minh Uyên, Phan Văn Khảm, Trần Thị Trang (Khoa II), Trầm Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung (Khoa II) (Khoa II)		
377		3.174	03. NHI KHOA	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm	Trần Thị Trang (Khoa II), Trầm Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung (Khoa II) (Khoa II)	Chuyên khoa cấp II ngoại sản, Chuyên khoa cấp I	
378		3.178	03. NHI KHOA	Đặt sonde hậu môn	Trần Thị Trang (Khoa II), Trầm Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung (Khoa II) (Khoa II)	Chuyên khoa cấp II ngoại sản, Chuyên khoa cấp I	
379		3.179	03. NHI KHOA	Thụt tháo phân	Đặng Thu Cầm, Phạm Văn Đức, Vũ Chu Sơn, Nguyễn Ngọc Thêu, Trần Thị Thuần (Khoa II)	Chuyên khoa cấp II ngoại sản, Chuyên khoa cấp I	
380		3.18	03. NHI KHOA	Dẫn lưu dịch màng ngoài tim cấp cứu			
381		3.18	03. NHI KHOA	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên			
382		3.181	03. NHI KHOA	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản da dầy bằng bơm tay			
383		3.1813	03. NHI KHOA	Cắt lợi xo cho răng mọc	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
384		3.1815	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim, Bs Yer	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS chuyên khoa I	
385		3.1816	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt phanh môi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim, Bs Yer	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS chuyên khoa I	
386		3.182	03. NHI KHOA	Thay máu sơ sinh	Trần Ngọc Nhân, Nguyễn Thủy Diễm, Trần Thị Đức, Phạm Thủy Phương, Vũ Thị (Khoa II), Trần Thị Trang (Khoa II), Trầm Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung (Khoa II) (Khoa II)		
387		3.183	03. NHI KHOA	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy			
388		3.1834	03. NHI KHOA	Điều trị áp xe quanh răng	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
389		3.1836	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng nhuc hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) kết hợp	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
390		3.1847	03. NHI KHOA	Lấy tủy buồng Răng vĩnh viễn	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
391		3.1848	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
392		3.1853	03. NHI KHOA	Điều trị tủy lại	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
393		3.1858	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha người	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
394		3.1859	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha người có	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
395		3.186	03. NHI KHOA	Chiều đèn điều trị vàng da sơ sinh	Trần Ngọc Nhân, Nguyễn Thủy Diễm, Trần Thị Đức, Phạm Thủy Phương, Vũ Thị (Khoa II), Trần Thị Trang (Khoa II), Trầm Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung (Khoa II) (Khoa II)		
396		3.187	03. NHI KHOA	Kiểm soát đau trong cấp cứu			
397		3.188	03. NHI KHOA	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh			
398		3.19	03. NHI KHOA	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục	Từ Thị Sơn Lâm, Phạm Vương Quan, Kham Din, Phạm Thị Ven, Huỳnh Ngọc Hòa, (Khoa II), Trần Thị Trang (Khoa II), Trầm Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung (Khoa II) (Khoa II)		
399		3.19	03. NHI KHOA	Lấy máu đông mạch quay làm xét nghiệm khi máu			
400		3.191	03. NHI KHOA	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường			
401		3.1915	03. NHI KHOA	Nhổ chân răng vịnh viễn	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
402		3.1917	03. NHI KHOA	Nhổ răng vĩnh viễn	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
403		3.192	03. NHI KHOA	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	Ksor Minh, Nguyễn Quang Khôi, Huỳnh Diệp Vũ Linh, Nguyễn Minh Thien, Nguyễn (Khoa II), Trần Thị Trang (Khoa II), Trầm Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung (Khoa II) (Khoa II)	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
404		3.1927	03. NHI KHOA	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
405		3.1928	03. NHI KHOA	Điều trị viêm quanh răng	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
406		3.1929	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
407		3.193	03. NHI KHOA	Truyền máu và các chế phẩm máu	Ksor Minh, Nguyễn Quang Khôi, Huỳnh Diệp Vũ Linh, Nguyễn Minh Thien, Nguyễn (Khoa II), Trần Thị Trang (Khoa II), Trầm Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung (Khoa II) (Khoa II)	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
408		3.193	03. NHI KHOA	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC)	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
409		3.1935	03. NHI KHOA	Mài chỉnh khớp cắn	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
410		3.1937	03. NHI KHOA	Trám bít hồ rãnh với Glassionomer Cement (GiC) hóa trùng hợp	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
411		3.194	03. NHI KHOA	Tắm cho người bệnh tại giường			
412		3.194	03. NHI KHOA	Trám bít hồ rãnh với Composite quang trùng hợp	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
413		3.1942	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
414		3.1943	03. NHI KHOA	Lấy tủy buồng răng sữa	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
415		3.1944	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng sữa	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
416		3.195	03. NHI KHOA	Tắm tẩy độc cho người bệnh			
417		3.195	03. NHI KHOA	Hàn răng không sang chân với Glassionomer Cement (GiC)	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	

418		3.1952	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa sâu ngã phục hồi bằng Composite	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
419		3.1953	03. NHI KHOA	Trám bít lỗ rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC)	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
420		3.1954	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa sâu ngã phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
421		3.1955	03. NHI KHOA	Nhổ răng sữa	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
422		3.1956	03. NHI KHOA	Nhổ chân răng sữa	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
423		3.1957	03. NHI KHOA	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
424		3.1958	03. NHI KHOA	Trích áp xe lợi trẻ em	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
425		3.1959	03. NHI KHOA	Điều trị viêm lợi trẻ em	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
426		3.196	03. NHI KHOA	Gội đầu cho người bệnh tại giường			
427		3.196	03. NHI KHOA	Trích áp xe lợi	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
428		3.197	03. NHI KHOA	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh			
429		3.197	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
430		3.1974	03. NHI KHOA	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
431		3.198	03. NHI KHOA	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
432		3.199	03. NHI KHOA	Xoa bóp phòng chống loét			
433		3.2	03. NHI KHOA	Đo độ bão hoà oxy trung tâm cấp cứu			
434		3.2	03. NHI KHOA	Cổ định cột sống cổ bằng nẹp cứng	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
435		3.201	03. NHI KHOA	Cổ định tam thời người bệnh gãy xương	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
436		3.202	03. NHI KHOA	Băng bó vết thương	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
437		3.203	03. NHI KHOA	Cầm máu (vết thương chảy máu)	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
438		3.204	03. NHI KHOA	Vấn chuyển người bệnh an toàn	Tư Thị Mai Linh, Phan Vương Quan, Khanh Dm, Phạm Thị Việt, Huỳnh Ngọc Tấn,		
439		3.205	03. NHI KHOA	Vấn chuyển người bệnh nặng có thở máy	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Thiên, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
440		3.206	03. NHI KHOA	Định nhóm máu tại giường			
441		3.2066	03. NHI KHOA	Điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
442		3.2068	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mắt không thiếu hồng	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
443		3.207	03. NHI KHOA	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
444		3.207	03. NHI KHOA	Phẫu thuật rách dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mắt	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim, Bs Yer		
445		3.2072	03. NHI KHOA	Cổ định tam thời sơ cứu gãy xương hàm	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
446		3.2075	03. NHI KHOA	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
447		3.2077	03. NHI KHOA	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mắt	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mất	
448		3.208	03. NHI KHOA	Lấy máu tĩnh mạch bên			
449		3.209	03. NHI KHOA	Truyền dịch vào tủy xương	Tư Thị Mai Linh, Phan Vương Quan, Khanh Dm, Phạm Thị Việt, Huỳnh Ngọc Tấn,		
450		3.2093	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Bs chuyên khoa II Tai mũi họng, Bs chuyên khoa I	
451		3.2097	03. NHI KHOA	Phẫu thuật chỉnh hình lai học mô tiết căn xương chũm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Bs chuyên khoa II Tai mũi họng, Bs chuyên khoa I	
452		3.2098	03. NHI KHOA	Tạo hình ống tai ngoài phần xương	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
453		3.21	03. NHI KHOA	Tiêm truyền thuốc			
454		3.2101	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
455		3.2102	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tiết căn xương chũm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
456		3.2103	03. NHI KHOA	Phẫu thuật sáo bảo thương nhĩ và nhĩ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
457		3.2104	03. NHI KHOA	Vá nhĩ đơn thuần	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
458		3.2105	03. NHI KHOA	Phẫu thuật kiểm tra xương chũm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
459		3.2107	03. NHI KHOA	Thủ thuật nong vòi nhĩ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
460		3.2108	03. NHI KHOA	Đặt ống thông khí hòm tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
461		3.2109	03. NHI KHOA	Phẫu thuật mở hòm nhĩ, kiểm tra hệ thống truyền âm, gỡ xơ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
462		3.211	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt vành tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
463		3.2114	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nạo vết sun vành tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
464		3.2115	03. NHI KHOA	Khâu vành tai rách sau chấn thương	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
465		3.2116	03. NHI KHOA	Thông vòi nhĩ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
466		3.2117	03. NHI KHOA	Lấy dị vật tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
467		3.2118	03. NHI KHOA	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
468		3.2119	03. NHI KHOA	Trích nhọt ống tai ngoài	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
469		3.212	03. NHI KHOA	Làm thuốc tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
470		3.2121	03. NHI KHOA	Trích rạch màng nhĩ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
471		3.2122	03. NHI KHOA	Đặt ống thông khí tai giữa	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
472		3.2124	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tăng cường màng nhĩ - đặt ống thông khí	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
473		3.2125	03. NHI KHOA	Lấy dáy tai (nút biểu bì)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
474		3.2126	03. NHI KHOA	Đo điện thính giác thân não			
475		3.2129	03. NHI KHOA	Thắt động mạch bướm-khẩu cái			
476		3.2133	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lấy dị vật trong xoang ổ mắt	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
477		3.2135	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
478		3.2137	03. NHI KHOA	Phẫu thuật xoang trán	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
479		3.2139	03. NHI KHOA	Khâu lỗ thủng bị rách ngăn mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
480		3.2141	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nạo sàng hàm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
481		3.2142	03. NHI KHOA	Phẫu thuật Caldwell-Luc, phẫu thuật xoang hàm lấy răng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
482		3.2143	03. NHI KHOA	Đốt cuốn mũi bằng máy	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
483		3.2144	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cuốn dưới bằng máy	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
484		3.2145	03. NHI KHOA	Phẫu thuật vách ngăn mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
485		3.2146	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nạo VA đặt ống thông khí	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
486		3.2147	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
487		3.2148	03. NHI KHOA	Nắn sống mũi sau chấn thương	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
488		3.2149	03. NHI KHOA	Nhiệt bắc mũi sau	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
489		3.215	03. NHI KHOA	Nhiệt bắc mũi trước	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
490		3.2151	03. NHI KHOA	Đốt cuốn mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
491		3.2152	03. NHI KHOA	Bé cuốn dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
492		3.2153	03. NHI KHOA	Chọc rửa xoang hàm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	
493		3.2154	03. NHI KHOA	Làm Proetz	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng	

494		3.2155	03. NHI KHOA	Cầm máu mũi bằng Meroxoe (2 bên)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
495		3.216	03. NHI KHOA	Đo lactat trong máu			
496		3.2167	03. NHI KHOA	Phẫu thuật đường rò bẩm sinh cổ bên	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
497		3.2174	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, lưỡi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
498		3.2175	03. NHI KHOA	Trích áp xe thành sau họng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
499		3.2176	03. NHI KHOA	Áp lạnh Amidan	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
500		3.2177	03. NHI KHOA	Cắt u nang hạ họng - thanh quản qua nội soi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
501		3.2178	03. NHI KHOA	Lấy dị vật hạ họng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
502		3.2179	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt Amidan gây te hoặc gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
503		3.218	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
504		3.2181	03. NHI KHOA	Trích áp xe quanh Amidan	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
505		3.2182	03. NHI KHOA	Đốt nhiệt hồng hạt	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
506		3.2183	03. NHI KHOA	Đốt lạnh hồng hạt	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
507		3.2184	03. NHI KHOA	Làm thuốc tại, mũi, thanh quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
508		3.2185	03. NHI KHOA	Bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
509		3.2186	03. NHI KHOA	Bơm thuốc thanh quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
510		3.2187	03. NHI KHOA	Rửa vòm họng			
511		3.2188	03. NHI KHOA	Đặt nội khí quản khó: Co thắt khí quản, đe dọa ngưng thở	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn, Bs CKI Trần Thị Thủy Trang, Bs CKI Trần Thị Ngọc Bích, Bs CKI Nguyễn Ngọc Bích, Bs CKI Trần Thị Ngọc Bích		
512		3.2189	03. NHI KHOA	Sơ cứu bỏng kỹ thuật đường hô hấp			
513		3.219	03. NHI KHOA	Lấy dị vật họng miêng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
514		3.2191	03. NHI KHOA	Khí dụng mũi họng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
515		3.2192	03. NHI KHOA	Khẩu nối thần kinh ngoại biên	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga		
516		3.2194	03. NHI KHOA	Phẫu thuật chỉnh hình lưỡi gà - họng - màn hầu (UVPP)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
517		3.2197	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt u xo vòm mũi họng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
518		3.2205	03. NHI KHOA	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe quanh thực quản			
519		3.2208	03. NHI KHOA	Phẫu thuật đường rò bẩm sinh giáp móng	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga		
520		3.2209	03. NHI KHOA	Phẫu thuật mở khí quản sơ sinh, trường hợp không có nội khí quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
521		3.2211	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lấy đường rò tai, cổ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
522		3.2212	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình sống mũi, cánh mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
523		3.2213	03. NHI KHOA	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ mặt trên 5 cm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
524		3.2215	03. NHI KHOA	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ mặt dưới 5 cm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
525		3.2216	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tuyến dưới hàm			
526		3.2221	03. NHI KHOA	Phẫu thuật mở sụn giáp cắt dây thanh	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
527		3.2222	03. NHI KHOA	FEES giải quyết các u lành tính	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
528		3.2223	03. NHI KHOA	Mô độ khe mang các loại	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
529		3.2224	03. NHI KHOA	Phẫu thuật chỉnh hình khối mũi sàng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
530		3.2225	03. NHI KHOA	Phẫu thuật chỉnh hình xương gò má	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
531		3.2226	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt móm tràm			
532		3.2227	03. NHI KHOA	Phẫu thuật khâu phục hồi tổn thương phần mềm miệng, họng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
533		3.2232	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt bỏ nang và rò khe mang 2	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
534		3.2233	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt bỏ nang và rò xoang lê (túi mang IV)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
535		3.2238	03. NHI KHOA	Đốt hồng bằng khí nitơ lỏng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
536		3.2239	03. NHI KHOA	Đốt hồng bằng khí CO-2 (băng áp lạnh)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
537		3.224	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nạo VA gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
538		3.2241	03. NHI KHOA	Cắt Amidan bằng máy	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
539		3.2242	03. NHI KHOA	Nạo VA bằng máy	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
540		3.2243	03. NHI KHOA	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	Kíp sinh, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Bs CKI Trần Thị Ngọc Bích, Bs CKI Trần Thị Ngọc Bích	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
541		3.2244	03. NHI KHOA	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe góc trong ổ mắt			
542		3.2245	03. NHI KHOA	Khẩu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
543		3.226	03. NHI KHOA	Chọc dò túi cùng Douglas	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
544		3.2331	03. NHI KHOA	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
545		3.2332	03. NHI KHOA	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
546		3.2333	03. NHI KHOA	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
547		3.2352	03. NHI KHOA	Chọc áp xe gan qua siêu âm	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
548		3.2354	03. NHI KHOA	Chọc dịch màng bụng	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
549		3.2355	03. NHI KHOA	Dẫn lưu dịch màng bụng	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
550		3.2356	03. NHI KHOA	Thút tháo phân	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
551		3.2357	03. NHI KHOA	Đặt sonde hậu môn	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
552		3.2358	03. NHI KHOA	Lấy bệnh phẩm hong để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng			
553		3.2385	03. NHI KHOA	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng			
554		3.2386	03. NHI KHOA	Tiêm trong da			
555		3.2387	03. NHI KHOA	Tiêm dưới da			
556		3.2388	03. NHI KHOA	Tiêm bắp thịt			
557		3.2389	03. NHI KHOA	Tiêm tĩnh mạch			
558		3.239	03. NHI KHOA	Truyền tĩnh mạch			
559		3.2391	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lấy hạch mạc treo trong ổ bụng do lao	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
560		3.2425	03. NHI KHOA	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng cổ	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
561		3.2426	03. NHI KHOA	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng nách	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
562		3.2427	03. NHI KHOA	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng bẹn	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
563		3.2428	03. NHI KHOA	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
564		3.2434	03. NHI KHOA	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực	Trần Thị Chiết, Trần Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Nga	Chuyên khoa cấp II ngoại rũi, Chuyên khoa cấp I	
565		3.2435	03. NHI KHOA	Cắt u máu dưới da đầu cổ đường kính trên 10 cm	Kíp sinh, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Bs CKI Trần Thị Ngọc Bích, Bs CKI Trần Thị Ngọc Bích	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
566		3.2442	03. NHI KHOA	Bóc, cắt u bã đầu, u mỡ dưới da đầu đường kính trên 10 cm	Kíp sinh, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Bs CKI Trần Thị Ngọc Bích, Bs CKI Trần Thị Ngọc Bích	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
567		3.2444	03. NHI KHOA	Cắt u da vùng mặt, tạo hình	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
568		3.2449	03. NHI KHOA	Cắt u da vùng tuyến mang tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Hong	
569		3.245	03. NHI KHOA				

570		3.2451	03. NHI KHOA	Cắt u phần mềm vùng cổ	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
571		3.2452	03. NHI KHOA	Cắt u nang bạch huyết vùng cổ	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
572		3.2453	03. NHI KHOA	Tiêm thuốc điều trị u bạch huyết	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
573		3.2454	03. NHI KHOA	Cắt nang giáp móng	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
574		3.2455	03. NHI KHOA	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
575		3.2456	03. NHI KHOA	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
576		3.2457	03. NHI KHOA	Bóc, cắt u bã đầu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
577		3.2458	03. NHI KHOA	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
578		3.2513	03. NHI KHOA	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2 cm	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mát
579		3.252	03. NHI KHOA	Cắt u tuyến nước bọt phụ	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
580		3.2532	03. NHI KHOA	Cắt u mỡ, u bã đầu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mát
581		3.2592	03. NHI KHOA	Cắt u nhái sàn miệng	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
582		3.26	03. NHI KHOA	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
583		3.2628	03. NHI KHOA	Cắt u máu hay bạch mạch vùng cổ, vùng trên xương đòn, vùng nách xam	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
584		3.2629	03. NHI KHOA	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính trên 10 cm	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
585		3.2632	03. NHI KHOA	Mỡ lỏng ngực thâm độ, sinh thiết	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
586		3.2636	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt kén khí phổi	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
587		3.264	03. NHI KHOA	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
588		3.2642	03. NHI KHOA	Cắt một phần cơ hoành	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
589		3.2644	03. NHI KHOA	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính dưới 5 cm	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
590		3.2662	03. NHI KHOA	Cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
591		3.2663	03. NHI KHOA	Cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma nối ngay	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
592		3.2664	03. NHI KHOA	Cắt một nửa đại tràng phải, trái	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
593		3.2666	03. NHI KHOA	Cắt u sau phúc mạc	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
594		3.2667	03. NHI KHOA	Cắt u mạc treo có cắt ruột	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
595		3.2668	03. NHI KHOA	Cắt u mạc treo không cắt ruột	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
596		3.267	03. NHI KHOA	Cắt đoạn ruột non do u	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
597		3.2671	03. NHI KHOA	Mô thâm độ ổ bụng, sinh thiết u	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
598		3.2672	03. NHI KHOA	Cắt u nang mạc nối lớn	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
599		3.2694	03. NHI KHOA	Cắt chòm nang nang bìng nối sợi hay mỡ bụng	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
600		3.2695	03. NHI KHOA	Cắt phần thủy gan	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
601		3.2696	03. NHI KHOA	Cắt đứt túy và cắt lách	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
602		3.27	03. NHI KHOA	Xử trí và theo dõi loạn nhịp tim cấp cứu	Tư vấn tâm lý, Phan Vương Quang, Phan Chí Sơn, Trần Thị Vinh, Nguyễn Ngọc Triều	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
603		3.2711	03. NHI KHOA	Cắt u phần mềm vùng	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
604		3.2712	03. NHI KHOA	Cắt u thần lạnh	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
605		3.2714	03. NHI KHOA	Cắt u thần kèm lấy huyết khối tĩnh mạch chủ dưới	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
606		3.2715	03. NHI KHOA	Cắt toàn bộ thân và niệu quản	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
607		3.2729	03. NHI KHOA	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
608		3.273	03. NHI KHOA	Mai hoa chàm	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
609		3.273	03. NHI KHOA	Cắt u nang buồng trứng	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
610		3.2736	03. NHI KHOA	Mô bóc nhân xơ vú	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
611		3.2762	03. NHI KHOA	Cắt u bạch mạch, đường kính bằng và trên 10 cm	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
612		3.2763	03. NHI KHOA	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
613		3.2764	03. NHI KHOA	Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy/gai vùng mặt, đóng khuyết da	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
614		3.2765	03. NHI KHOA	Cắt u bạch mạch đường kính dưới 10 cm	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
615		3.2766	03. NHI KHOA	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
616		3.2767	03. NHI KHOA	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
617		3.2768	03. NHI KHOA	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
618		3.2769	03. NHI KHOA	Cắt u bao gân	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
619		3.277	03. NHI KHOA	Cắt u xương sụn lành tính	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
620		3.28	03. NHI KHOA	Đặt catheter tĩnh mạch	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
621		3.2833	03. NHI KHOA	Bóc nhân tuyến giáp	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
622		3.2834	03. NHI KHOA	Bóc nhân độc tuyến giáp	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
623		3.2835	03. NHI KHOA	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
624		3.284	03. NHI KHOA	Sắc thuốc thang	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
625		3.2841	03. NHI KHOA	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
626		3.2847	03. NHI KHOA	Dẫn lưu áp xe túy	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
627		3.285	03. NHI KHOA	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
628		3.2853	03. NHI KHOA	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
629		3.2854	03. NHI KHOA	Cắt u tuyến thượng thận 2 bên	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
630		3.2857	03. NHI KHOA	Cắt bộ phận hoặc ung thư lạc chỗ có hoặc không vết hạch ổ bụng	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
631		3.2858	03. NHI KHOA	Cắt bộ phận hoặc và vết hạch ổ bụng	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
632		3.287	03. NHI KHOA	Bỏ thuốc	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
633		3.288	03. NHI KHOA	Chườm ngải	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
634		3.291	03. NHI KHOA	Ôn chăm	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
635		3.292	03. NHI KHOA	Chích lễ	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
636		3.2934	03. NHI KHOA	Cắt sụn thừa nắp tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
637		3.2941	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nâng cánh mũi bị sập	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
638		3.2944	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình rốn	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
639		3.2945	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tái tạo thành bụng đơn giản	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
640		3.2978	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình cơ rút hệ vận động sau bụng	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
641		3.2985	03. NHI KHOA	Chuyển vạt da tại chỗ đơn giản điều trị sẹo bụng	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
642		3.2986	03. NHI KHOA	Chuyển vạt da xoáy, chốt phức tạp điều trị sẹo bụng	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
643		3.2987	03. NHI KHOA	Chuyển vạt da có cường mạch nuôi điều trị sẹo bụng	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
644		3.299	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo bụng khâu kín	Ksà Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
645		3.2994	03. NHI KHOA	Điều trị bệnh da bằng tia hồng ngoại toàn thân	Đang Thị Chinh, Phạm Thị Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I

646		3.2995	03. NHI KHOA	Điều trị bệnh da bằng tia hồng ngoại từng phần		
647		3.2996	03. NHI KHOA	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm		
648		3.3	03. NHI KHOA	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm		
649		3.3004	03. NHI KHOA	Chăm sóc người bệnh Pemphigus nặng		
650		3.3006	03. NHI KHOA	Ga giường bốt tale điều trị bệnh da		
651		3.3007	03. NHI KHOA	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: L.vell, Stevens-Johnson		
652		3.3013	03. NHI KHOA	Điều trị u máu, giãn mạch, chấm đỏ da bằng đốt điện, plasma, laser, nito		
653		3.3023	03. NHI KHOA	Thay băng người bệnh chột, loét da dưới 20% diện tích cơ thể	Kỹ thuật, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
654		3.3024	03. NHI KHOA	Thay băng người bệnh chột, loét da trên 20% diện tích cơ thể	Kỹ thuật, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
655		3.3031	03. NHI KHOA	Trích rạch áp xe nhỏ	Kỹ thuật, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
656		3.3032	03. NHI KHOA	Trích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	BS Nguyễn Văn Châu, BS Nguyễn Thị Sim	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
657		3.3035	03. NHI KHOA	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng		
658		3.3039	03. NHI KHOA	Điều trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng		
659		3.304	03. NHI KHOA	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	BS Nguyễn Văn Châu, BS Nguyễn Thị Sim	
660		3.3041	03. NHI KHOA	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng		
661		3.3047	03. NHI KHOA	Điều trị sần cục bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng		
662		3.3048	03. NHI KHOA	Điều trị nốt sùi da đầu		
663		3.3068	03. NHI KHOA	Lấy máu từ trong so, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
664		3.307	03. NHI KHOA	Phẫu thuật vết thương so não hở	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
665		3.3072	03. NHI KHOA	Phẫu thuật mô não sơ giải áp, lấy máu từ và chứng màng cứng	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
666		3.3074	03. NHI KHOA	Nhắc xương đầu lún qua da ở trẻ em dưới 1 tuổi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
667		3.3075	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nhắc xương lún	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
668		3.3077	03. NHI KHOA	Khâu nối dây thần kinh ngoại biên	Kỹ thuật, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
669		3.3082	03. NHI KHOA	Rạch da đầu rộng trong máu từ dưới da đầu	Kỹ thuật, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
670		3.3083	03. NHI KHOA	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	BS Trần Ngọc Diễm, BS Trần Xuân Hoàn, BS Trần Thị Phú, BS Trần Ngọc Diễm, BS Trần Ngọc	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
671		3.31	03. NHI KHOA	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
672		3.3135	03. NHI KHOA	Khâu vết thương tim, do đâm hay do mảnh đạn	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
673		3.3137	03. NHI KHOA	Dẫn lưu màng tim qua đường Marfan	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
674		3.3214	03. NHI KHOA	Khâu vết thương mạch máu chi	Kỹ thuật, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
675		3.3234	03. NHI KHOA	Mở lồng ngực thăm dò	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
676		3.3243	03. NHI KHOA	Bóc vỏ màng phổi điều trị ở căn màng phổi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
677		3.3246	03. NHI KHOA	Khâu vết thương nhu mô phổi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
678		3.3247	03. NHI KHOA	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
679		3.3248	03. NHI KHOA	Dẫn lưu áp xe phổi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
680		3.325	03. NHI KHOA	Mở lồng ngực lấy dị vật trong phổi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
681		3.3251	03. NHI KHOA	Bóc màng phổi trong dây dính màng phổi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
682		3.3258	03. NHI KHOA	Mở lồng ngực trong tràn khí màng phổi, khâu lỗ thủng	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
683		3.326	03. NHI KHOA	Khâu cơ hoành bị rách hay thủng do chấn thương qua đường ngực	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
684		3.3261	03. NHI KHOA	Khâu kín vết thương thủng ngực	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
685		3.3262	03. NHI KHOA	Kéo liên tục một mảng sườn hay mảng ức sườn	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
686		3.3263	03. NHI KHOA	Khâu cơ hoành bị rách hay thủng do chấn thương qua đường bụng	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
687		3.3264	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cố định mảng sườn di động bằng nẹp	Kỹ thuật, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
688		3.3265	03. NHI KHOA	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	Kỹ thuật, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
689		3.3266	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị thực quản đôi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
690		3.3268	03. NHI KHOA	Phẫu thuật mở thông thực quản, mở thông da dạ ở trẻ sơ sinh trong điều	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
691		3.3269	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nối thực quản ngay trong điều trị teo thực quản	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
692		3.3271	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị qua khe thực quản	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
693		3.3272	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị luồng trào ngược da dạ, thực quản	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
694		3.3273	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị hẹp thực quản	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
695		3.3275	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị rò thực quản	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
696		3.3277	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị hoành	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
697		3.3278	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị nhào cơ hoành	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
698		3.3282	03. NHI KHOA	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
699		3.3289	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị xoắn dạ dày	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
700		3.329	03. NHI KHOA	Cắt túi thừa tá tràng	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
701		3.3291	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thoát vị cơ hoành có kèm trào ngược	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
702		3.3292	03. NHI KHOA	Mổ da dạ lấy bã thức ăn	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
703		3.3293	03. NHI KHOA	Nội da dạ - ruột (omega hay Roux-en-Y)	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
704		3.3294	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị da dạ đôi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
705		3.3295	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị hoại tử thủng da dạ ở trẻ sơ sinh	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
706		3.3296	03. NHI KHOA	Mổ cơ môn vị (điều trị hẹp phì đại môn vị)	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
707		3.3297	03. NHI KHOA	Mổ thông da dạ	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
708		3.3298	03. NHI KHOA	Khâu lỗ thủng da dạ, tá tràng đơn thuần	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
709		3.33	03. NHI KHOA	Đặt catheter dòng mạch	BS Trần Ngọc Diễm, BS Trần Xuân Hoàn, BS Trần Thị Phú, BS Trần Ngọc Diễm, BS Trần Ngọc	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
710		3.33	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị ruột đôi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
711		3.3301	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị tắc tá tràng bẩm sinh	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
712		3.3302	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị teo ruột	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
713		3.3303	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do thủng ruột: dẫn lưu ổ bụng, làm hậu	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
714		3.3304	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị xoắn trung tràng	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
715		3.3305	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị cơn ống rốn trắng, túi thừa Meckel không biến chứng	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
716		3.3306	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị viêm/chảy máu túi thừa Meckel	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
717		3.3307	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị tắc ruột phần su	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
718		3.3308	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do viêm phúc mạc thai nhi	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
719		3.3309	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
720		3.331	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tắc ruột do giun	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I
721		3.3311	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột	Đang chờ Chẩn, Phạm Thị Đan, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại nội, Chuyên khoa cấp I

722		3.3312	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do viêm ruột hoại tử biến chứng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
723		3.3313	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng cắt nối ruột	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
724		3.3314	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng cắt nối ruột	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
725		3.3315	03. NHI KHOA	Làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ sơ sinh	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
726		3.3316	03. NHI KHOA	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
727		3.3317	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tháo lồng không cắt ruột	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
728		3.3318	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tháo lồng cắt ruột, nối ngay hoặc dẫn lưu 2 đầu ruột	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
729		3.3319	03. NHI KHOA	Cắt lại đại tràng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
730		3.332	03. NHI KHOA	Cắt đoạn đại tràng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
731		3.3321	03. NHI KHOA	Đóng hậu môn nhân tạo	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
732		3.3322	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt nửa đại tràng trái/phải	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
733		3.3323	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị bệnh phình đại tràng bẩm sinh 1 thì	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
734		3.3324	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị bệnh phình đại tràng bẩm sinh 2 thì	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
735		3.3325	03. NHI KHOA	Thụt tháo đại tràng trong phình đại tràng bẩm sinh	Trần Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thuý Loan, Võ Thị Mỹ Dung, Ngô Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
736		3.3326	03. NHI KHOA	Tháo lồng bằng bơm khí/nước	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
737		3.3327	03. NHI KHOA	Phẫu thuật viêm ruột thừa	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
738		3.3328	03. NHI KHOA	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
739		3.3329	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt túi thừa ruột non, ruột già	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
740		3.333	03. NHI KHOA	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
741		3.3331	03. NHI KHOA	Cắt đoạn ruột non	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
742		3.3332	03. NHI KHOA	Đáp ứng áp xe ruột thừa	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
743		3.3333	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lại các di tật hậu môn trực tràng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
744		3.3336	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình cơ thắt hậu môn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
745		3.3337	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình cơ tròn hậu môn điều trị mất tư chủ hậu môn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
746		3.3338	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình hậu môn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
747		3.3343	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị di tật hậu môn trực tràng một thì	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
748		3.3344	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị di tật hậu môn trực tràng nhiều thì	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
749		3.3345	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn tiền đình 1 thì/2 thì	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
750		3.3346	03. NHI KHOA	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	Kết nối, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Tú, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn Thị Hoàng	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
751		3.3347	03. NHI KHOA	Phẫu thuật sa trực tràng không cắt ruột	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
752		3.3348	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
753		3.3349	03. NHI KHOA	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
754		3.335	03. NHI KHOA	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mô lỗ rò	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
755		3.3351	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị di tật hậu môn trực tràng bằng đường bụng kết hợp	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
756		3.3352	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị di tật hậu môn trực tràng bằng đường trước xương	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
757		3.3353	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình hậu môn nếp (Denis Brown)	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
758		3.3354	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt mô thừa trực tràng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
759		3.3355	03. NHI KHOA	Phẫu thuật khâu vùng quanh hậu môn trong điều trị sa trực tràng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
760		3.3362	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình hậu môn kiểu cái nhà (Housing Flap) trong điều trị	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
761		3.3374	03. NHI KHOA	Nong hậu môn dưới gây mê	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
762		3.3375	03. NHI KHOA	Nong hậu môn không gây mê	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
763		3.3377	03. NHI KHOA	Phẫu thuật rò hậu môn thê đơn giản	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
764		3.338	03. NHI KHOA	Cắt polyp trực tràng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
765		3.3381	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
766		3.3383	03. NHI KHOA	Cắt nang/polyp rốn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
767		3.3385	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
768		3.3386	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiền phát	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
769		3.3387	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt u nang mạc nối lớn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
770		3.3388	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột không cắt ruột	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
771		3.3389	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột cắt nối ruột	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
772		3.339	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
773		3.3394	03. NHI KHOA	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đại châu	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
774		3.3395	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thoát vị ben nghèo	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
775		3.3396	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thoát vị rốn nghèo	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
776		3.3397	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
777		3.3398	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lại chữa rò ống tiêu hóa sau mổ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
778		3.3399	03. NHI KHOA	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
779		3.34	03. NHI KHOA	Đặt catheter tĩnh mạch rốn ở trẻ sơ sinh	Trần Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thuý Loan, Trần Thị Lưu, Phạm Thị Phương, Vũ Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
780		3.34	03. NHI KHOA	Lấy mẫu tu tĩnh sinh rốn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
781		3.3401	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thoát vị ben hay thành bụng thường	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
782		3.3402	03. NHI KHOA	Mỡ bụng thăm dò	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
783		3.3403	03. NHI KHOA	Khâu lại bại thành bụng đơn thuần	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
784		3.3404	03. NHI KHOA	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
785		3.3406	03. NHI KHOA	Trích áp xe tầng sinh môn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
786		3.3407	03. NHI KHOA	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
787		3.3411	03. NHI KHOA	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan lớn	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
788		3.3412	03. NHI KHOA	Cắt hạ phần thủy gan	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
789		3.3413	03. NHI KHOA	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan nhỏ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
790		3.3414	03. NHI KHOA	Cắt chớm nang gan bằng mổ bụng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
791		3.3415	03. NHI KHOA	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
792		3.3416	03. NHI KHOA	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
793		3.3417	03. NHI KHOA	Cắt đoạn ống mật chủ, nối rốn gan - hồng tràng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
794		3.3424	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị chày máu đường mật, thắt động mạch gan	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
795		3.3427	03. NHI KHOA	Cắt túi mật	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
796		3.3428	03. NHI KHOA	Cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I
797		3.3429	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun, mở ống mật chủ lấy giun	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II ngoại rnh, Chuyên khoa cấp I

798	3.343	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị thủng đường mắt ngoài gan	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
799	3.3431	03. NHI KHOA	Nội mắt - ruột - da	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
800	3.3432	03. NHI KHOA	Nội mắt - da bằng cách ruột biệt lập hoặc túi mật	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
801	3.3434	03. NHI KHOA	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr, phẫu thuật lại	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
802	3.3435	03. NHI KHOA	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr lần đầu	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
803	3.3436	03. NHI KHOA	Cắt bỏ nang ống mật chủ và nối mật ruột	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
804	3.3437	03. NHI KHOA	Nội ống mật chủ - hồng trắng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
805	3.3438	03. NHI KHOA	Dẫn lưu đường mật ra da	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
806	3.3443	03. NHI KHOA	Dẫn lưu túi mật	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
807	3.3444	03. NHI KHOA	Dẫn lưu nang ống mật chủ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
808	3.3453	03. NHI KHOA	Cắt lách bệnh lý do ung thư, áp xe, xơ lách, huyết tán...	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
809	3.3454	03. NHI KHOA	Nội nang tụy - da dày	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
810	3.3455	03. NHI KHOA	Nội nang tụy - hồng trắng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
811	3.3458	03. NHI KHOA	Dẫn lưu áp xe tụy	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
812	3.3459	03. NHI KHOA	Phẫu thuật vỡ tụy bằng chèn gạc cầm máu	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
813	3.346	03. NHI KHOA	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
814	3.3461	03. NHI KHOA	Cắt lách bán phần do chấn thương	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
815	3.3462	03. NHI KHOA	Khẩu lách do chấn thương	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
816	3.3463	03. NHI KHOA	Cắt lách toàn bộ do chấn thương	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
817	3.3471	03. NHI KHOA	Cắt thận đơn thuần	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
818	3.3472	03. NHI KHOA	Cắt một nửa thận	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
819	3.3474	03. NHI KHOA	Tạo hình phần nối bể thận - niệu quản	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
820	3.3482	03. NHI KHOA	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
821	3.3484	03. NHI KHOA	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
822	3.3486	03. NHI KHOA	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
823	3.3487	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lái đi rò ống tiết niệu ở bụng sau mổ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
824	3.3488	03. NHI KHOA	Dẫn lưu thận	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
825	3.3489	03. NHI KHOA	Dẫn lưu viêm táy quanh thận, áp xe thận	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
826	3.3491	03. NHI KHOA	Cắt nối niệu quản	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
827	3.3492	03. NHI KHOA	Lấy sỏi niệu quản	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
828	3.3493	03. NHI KHOA	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
829	3.3494	03. NHI KHOA	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
830	3.3497	03. NHI KHOA	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
831	3.3498	03. NHI KHOA	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/2 bên	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
832	3.35	03. NHI KHOA	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
833	3.35	03. NHI KHOA	Trồng niệu quản vào bàng quang 1 bên/2 bên	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
834	3.3501	03. NHI KHOA	Nội niệu quản - niệu quản trong thận niệu quản đôi còn chức năng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
835	3.3512	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị bàng quang thủng kín	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
836	3.3516	03. NHI KHOA	Cắt đường rò bàng quang - rốn, khẩu lại bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
837	3.3517	03. NHI KHOA	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
838	3.3518	03. NHI KHOA	Thông niệu quản ra da qua 1 đoạn ruột đơn thuần	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
839	3.3519	03. NHI KHOA	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
840	3.3521	03. NHI KHOA	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
841	3.3524	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
842	3.3526	03. NHI KHOA	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
843	3.3527	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
844	3.3529	03. NHI KHOA	Dẫn lưu bàng quang trên xương mu bằng ống thông	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
845	3.353	03. NHI KHOA	Cắt đường rò bàng quang rốn, khẩu lại bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
846	3.3531	03. NHI KHOA	Mổ lấy sỏi bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
847	3.3532	03. NHI KHOA	Mổ thông bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
848	3.3533	03. NHI KHOA	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
849	3.3534	03. NHI KHOA	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
850	3.3535	03. NHI KHOA	Đặt ống thông bàng quang	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
851	3.3536	03. NHI KHOA	Phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
852	3.3537	03. NHI KHOA	Phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
853	3.3538	03. NHI KHOA	Phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo - trực tràng bẩm sinh	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
854	3.354	03. NHI KHOA	Phẫu thuật đi tắt hậu môn - trực tràng có tạo hình niệu đạo	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
855	3.3541	03. NHI KHOA	Động cơ lỗ rò niệu đạo	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
856	3.3544	03. NHI KHOA	Cắt nối niệu đạo sau	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
857	3.3545	03. NHI KHOA	Cấp cứu nội niệu đạo do vỡ xương chậu	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
858	3.3546	03. NHI KHOA	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
859	3.3547	03. NHI KHOA	Lấy sỏi niệu đạo	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
860	3.3549	03. NHI KHOA	Dẫn lưu viêm táy khung chậu do rò nước tiểu	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
861	3.355	03. NHI KHOA	Phẫu thuật áp xe tuyến liệt	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
862	3.3557	03. NHI KHOA	Tạo hình một phần âm vật	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
863	3.356	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị giãn tĩnh mạch thừng tinh	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
864	3.3561	03. NHI KHOA	Tạo hình dương vật, phẫu thuật một thỉ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
865	3.3562	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị hội chứng dương vật bị vùi lấp	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
866	3.3565	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thăm dò ổ bụng trên người bệnh mơ hồ giới tính	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
867	3.3569	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ tiểu lệch thấp (hypospadias) 1 thỉ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
868	3.357	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ tiểu lệch thấp (hypospadias) 2 thỉ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
869	3.3571	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ tiểu mất lu-ng dương vật (epispadias)	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
870	3.3572	03. NHI KHOA	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 1 bên một thỉ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
871	3.3573	03. NHI KHOA	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 2 bên một thỉ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
872	3.3574	03. NHI KHOA	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 1 bên hai thỉ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I
873	3.3575	03. NHI KHOA	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 2 bên hai thỉ	Đang chờ CMCN, Phạm Văn Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II (ngoại nhi), Chuyên khoa cấp I

874		3.3578	03. NHI KHOA	Cắt phần phụ tinh hoàn/mào tinh hoàn xoắn	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
875		3.3579	03. NHI KHOA	Phẫu thuật tái tạo miệng sâu do hẹp miệng sâu	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
876		3.358	03. NHI KHOA	Thắt tinh mạch tinh trên bọng	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
877		3.3582	03. NHI KHOA	Phẫu thuật vôi vảy hàng do gãy dương vật	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
878		3.3583	03. NHI KHOA	Phẫu thuật trần dịch màng tinh hoàn/nang thừa tinh 1 bên/2 bên	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
879		3.3586	03. NHI KHOA	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
880		3.3587	03. NHI KHOA	Phẫu thuật hạ lai tinh hoàn	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
881		3.3589	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thoát vị bẹn bên nghệt	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
882		3.359	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghệt	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
883		3.3595	03. NHI KHOA	Tách màng ngăn âm hộ	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
884		3.3596	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thâm dò bìu trong đau bìu cấp ở trẻ em	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
885		3.3597	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thâm dò ổ bụng cho người bệnh không sờ thấy và siêu âm	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
886		3.3598	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thâm dò ổ bụng và ống bẹn cho người bệnh không sờ thấy và	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
887		3.3599	03. NHI KHOA	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
888		3.36	03. NHI KHOA	Đeo áp lực động mạch liên tục	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
889		3.36	03. NHI KHOA	Rạch rộng vòng thắt nghệt bao quy đầu	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
890		3.3601	03. NHI KHOA	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
891		3.3603	03. NHI KHOA	Cắt bỏ bao da quy đầu do dính hoặc dài	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
892		3.3604	03. NHI KHOA	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis)	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
893		3.3605	03. NHI KHOA	Mỡ rong lỗ sáo	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
894		3.3606	03. NHI KHOA	Nong niệu đạo	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
895		3.3608	03. NHI KHOA	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Hoàng	Chuyên khoa cấp II Ngoại nhi, Chuyên khoa cấp I
896		3.3646	03. NHI KHOA	Cổ dính nếp vạt gây trật khớp vai	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
897		3.3647	03. NHI KHOA	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
898		3.3649	03. NHI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
899		3.3651	03. NHI KHOA	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
900		3.3656	03. NHI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương không mở ổ gãy dưới C Arm	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
901		3.3662	03. NHI KHOA	Cổ dính nếp vạt gây liên lõi cầu cánh tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
902		3.3664	03. NHI KHOA	Cổ dính Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
903		3.3665	03. NHI KHOA	Cổ dính nếp vạt gây thăn xương cánh tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
904		3.3669	03. NHI KHOA	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
905		3.3675	03. NHI KHOA	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
906		3.3676	03. NHI KHOA	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
907		3.3677	03. NHI KHOA	Phẫu thuật giải phóng dây giữa trong hội chứng ống cổ tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
908		3.3679	03. NHI KHOA	Phẫu thuật gãy Monteggia	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
909		3.368	03. NHI KHOA	Cắt cut cánh tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
910		3.3682	03. NHI KHOA	Cắt cut cẳng tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
911		3.3683	03. NHI KHOA	Thảo khớp cổ tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
912		3.3684	03. NHI KHOA	Phẫu thuật gây lỏng cầu ngoài xương cánh tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
913		3.3685	03. NHI KHOA	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
914		3.3686	03. NHI KHOA	Phẫu thuật gây móm trên ròng rọc xương cánh tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
915		3.3687	03. NHI KHOA	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
916		3.3688	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cổ dính nếp vạt gây hai xương cẳng tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
917		3.3689	03. NHI KHOA	Phẫu thuật đóng định nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
918		3.369	03. NHI KHOA	Phẫu thuật đóng định nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
919		3.3691	03. NHI KHOA	Phẫu thuật bàn tay cấp cứu cổ tồn thương phức tạp	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
920		3.3692	03. NHI KHOA	Phẫu thuật bàn tay, chỉnh hình phức tạp	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
921		3.3695	03. NHI KHOA	Phẫu thuật chuyển cơ xoay ngón 1 điều trị tách ngón 1 bẩm sinh	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
922		3.3697	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị trật khớp bàn - ngón 1 bẩm sinh	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
923		3.37	03. NHI KHOA	Đeo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
924		3.3702	03. NHI KHOA	Cắt đi tất bẩm sinh về bàn và ngón tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
925		3.3703	03. NHI KHOA	Găm định Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
926		3.3704	03. NHI KHOA	Phẫu thuật viêm tủy bàn tay, cạ viêm bao hoạt dịch	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
927		3.3705	03. NHI KHOA	Phẫu thuật đi tất định ngón, băng và dưới 2 ngón tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
928		3.3706	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị ngón tay cổ súng	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
929		3.3707	03. NHI KHOA	Phẫu thuật điều trị các dị tật bàn tay, đi chứng vết thương bàn tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
930		3.371	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
931		3.3711	03. NHI KHOA	Thảo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
932		3.3712	03. NHI KHOA	Phẫu thuật gây đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
933		3.3727	03. NHI KHOA	Kết xương định nẹp một khối gây liên mào chuyển hoặc dưới mào chuyển	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
934		3.373	03. NHI KHOA	Phẫu thuật trật khớp háng	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
935		3.3732	03. NHI KHOA	Đặt định nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
936		3.3737	03. NHI KHOA	Phẫu thuật đóng định xương đùi dưới C Arm	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
937		3.3758	03. NHI KHOA	Đóng định xương chậu mớ	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
938		3.376	03. NHI KHOA	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chậu	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
939		3.3763	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cơ gân Achilles	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
940		3.3773	03. NHI KHOA	Cổ dính ngoài điều trị gãy xương cẳng chân	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
941		3.3775	03. NHI KHOA	Cắt cut cẳng chân	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
942		3.3778	03. NHI KHOA	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
943		3.3779	03. NHI KHOA	Kết hợp xương trong trong gãy xương mắt	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
944		3.3785	03. NHI KHOA	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
945		3.3788	03. NHI KHOA	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
946		3.379	03. NHI KHOA	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân khoèo	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
947		3.38	03. NHI KHOA	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
948		3.38	03. NHI KHOA	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
949		3.3802	03. NHI KHOA	Tạo hình các vật da che phủ, vật trọt	Kỳ Sinh, Nguyễn Quảng Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương

950		3.3803	03. NHI KHOA	Nội gân gấp	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
951		3.3804	03. NHI KHOA	Gỡ dính gân	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
952		3.3805	03. NHI KHOA	Khâu nối thần kinh	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
953		3.3807	03. NHI KHOA	Vết da đầy toàn bộ, diện tích bằng và trên 10 cm²	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
954		3.3811	03. NHI KHOA	Cắt lọc da, cơ, gân trên 3% diện tích cơ thể	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
955		3.3814	03. NHI KHOA	Dẫn lưu viêm mô khớp, không sai khớp	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
956		3.3815	03. NHI KHOA	Dẫn lưu áp xe cơ dài châu	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
957		3.3816	03. NHI KHOA	Phẫu thuật vết thương bản tay, cắt lọc đơn thuần	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
958		3.3817	03. NHI KHOA	Trích áp xe phần mềm lớn	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
959		3.3818	03. NHI KHOA	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
960		3.3819	03. NHI KHOA	Nội gân dưới	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
961		3.382	03. NHI KHOA	Tạo hình bằng các vật tại chỗ đơn giản	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
962		3.3821	03. NHI KHOA	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
963		3.3822	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử tiếp tuyến 10 đến 15% diện tích cơ thể	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
964		3.3823	03. NHI KHOA	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
965		3.3824	03. NHI KHOA	Vết da đầy toàn bộ, diện tích dưới 10 cm²	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
966		3.3825	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
967		3.3826	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
968		3.3827	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
969		3.3829	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột giai đoạn trong hồi chứng Volkmann	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
970		3.383	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ó cối và trật khớp háng	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
971		3.3831	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
972		3.3832	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
973		3.3833	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
974		3.3834	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
975		3.3835	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
976		3.3836	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
977		3.3839	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp vai	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
978		3.384	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương đòn	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
979		3.3841	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
980		3.3842	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
981		3.3843	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
982		3.3844	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
983		3.3845	03. NHI KHOA	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
984		3.3846	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
985		3.3847	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
986		3.3848	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ 3 và độ IV	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
987		3.3849	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
988		3.385	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
989		3.3851	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
990		3.3852	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
991		3.3853	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
992		3.3854	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
993		3.3855	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp háng	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
994		3.3856	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
995		3.3857	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy mắt chày	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
996		3.3858	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương chày	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
997		3.3859	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
998		3.386	03. NHI KHOA	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
999		3.3861	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1000		3.3862	03. NHI KHOA	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1001		3.3863	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp gối	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1002		3.3864	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1003		3.3865	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1004		3.3866	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1005		3.3867	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương chày	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1006		3.3868	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1007		3.3869	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1008		3.387	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1009		3.3871	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương gót	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1010		3.3872	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1011		3.3873	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1012		3.3874	03. NHI KHOA	Nắn, cố định trật khớp hàm	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1013		3.3875	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1014		3.3876	03. NHI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương các loại dưới C Arm	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1015		3.3877	03. NHI KHOA	Nẹp bột các loại, không nắn	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1016		3.3898	03. NHI KHOA	Trích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1017		3.3899	03. NHI KHOA	Mở cửa sổ xương	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1018		3.39	03. NHI KHOA	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1019		3.39	03. NHI KHOA	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1020		3.3901	03. NHI KHOA	Rút dính các loại	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1021		3.3902	03. NHI KHOA	Phẫu thuật vết thương khớp	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1022		3.3903	03. NHI KHOA	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1023		3.3904	03. NHI KHOA	Mở khoang và giải phóng mạch bị chèn ép của các chi	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1024		3.3905	03. NHI KHOA	Rút chỉ thén xương ức	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1025		3.3906	03. NHI KHOA	Đặt túi bơm giãn da	Kpá sánn, Nguyễn Quang Khoa, Nguyễn Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương

1026		3.3908	03. NHI KHOA	Tạo hình bằng các vật tự do đa dạng đơn giản	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1027		3.391	03. NHI KHOA	Trích hạch viêm mũi	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1028		3.3911	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1029		3.3915	03. NHI KHOA	Cắt rò nhãn mạc	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1030		3.3916	03. NHI KHOA	Cắt u nang bao hoạt dịch	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1031		3.3918	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lấy đi vật thành ngực, thành bụng	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1032		3.3919	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lấy đi vật lồng ngực, ổ bụng	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1033		3.392	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lấy đi vật phần mềm	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1034		3.3921	03. NHI KHOA	Phẫu thuật sinh thiết tổ chức phần mềm bề mặt	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1035		3.3922	03. NHI KHOA	Phẫu thuật sinh thiết nội quan (ngực, bụng)	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1036		3.3923	03. NHI KHOA	Phẫu thuật loại cầm máu do chảy máu sau mổ	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1037		3.3924	03. NHI KHOA	Cắt lọc tổ chức hoại tử	Ksà minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1038		3.3925	03. NHI KHOA	Dẫn lưu áp xe cổ/áp xe tuyến giáp	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1039		3.3954	03. NHI KHOA	Nội soi cắt hạt thanh đới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1040		3.3955	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1041		3.3956	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1042		3.3957	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi mũi xoang dẫn lưu u nhầy	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1043		3.3958	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cuốn giữa và cuốn dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1044		3.3959	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi mở sàng - hàm, cắt polyp mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1045		3.396	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1046		3.3961	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi nạo V.A	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1047		3.3962	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ đơn thuần	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1048		3.3963	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi nạo V.A - đặt ống thông khí	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1049		3.3964	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1050		3.3965	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn giữa	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1051		3.3966	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1052		3.3969	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt một phần thủy phổi	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1053		3.397	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1054		3.3978	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị thoát vị hoành trẻ sơ sinh	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1055		3.3979	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị teo thực quản: nội ngáy	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1056		3.3982	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị ổ cầm máu phổi	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1057		3.3984	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương cơ hoành, các tạng trong lồng ngực	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1058		3.3985	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị lồng ngực ngực (kỹ thuật Nuss)	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1059		3.3987	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh giao cảm ngực một bên	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1060		3.3988	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh giao cảm ngực hai bên	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1061		3.3992	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt 1 phổi	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1062		3.3993	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi lồng ngực sinh thiết chẩn đoán	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1063		3.3995	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu màng phổi	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1064		3.3996	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi lồng ngực lấy máu tụ, cầm máu	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1065		3.3998	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị thoát vị/hiáo cơ hoành trẻ lớn	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1066		3.4	03. NHI KHOA	Dẫn lưu dịch, máu màng ngoài tim	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1067		3.4003	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị ống tiêu hóa dôi (da dầy, ruột)	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1068		3.4004	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị tắc tá tràng	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1069		3.4005	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn trung tràng	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1070		3.4006	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị teo ruột	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1071		3.4007	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị tắc ruột phần su	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1072		3.4008	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị không hậu môn	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1073		3.4009	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị lồng ruột	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1074		3.401	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp phì đại môn vị	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1075		3.4011	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt u nang mạc nối lớn	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1076		3.4013	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe gan	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1077		3.4014	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị nang gan đơn thuần	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1078		3.4015	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi thăm dò ổ bụng ± sinh thiết	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1079		3.402	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-ruột	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1080		3.4021	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1081		3.4022	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, đặt dẫn lưu Kehr	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1082		3.4026	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi mở thông da dầy	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1083		3.4045	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo cổ cắt ruột	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1084		3.4046	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo không cắt ruột	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1085		3.4048	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh trẻ lớn	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1086		3.4049	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh trẻ sơ sinh	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1087		3.4062	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn/di dạng 1 th	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1088		3.4068	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi khâu thủng da dầy	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1089		3.4069	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính trong ổ bụng	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1090		3.407	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1091		3.4071	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1092		3.4073	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi ổ bụng điều trị thoát vị cơ hoành	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1093		3.4074	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi vỡ ruột trong chấn thương bụng kín	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1094		3.4075	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi lỗ thủng ruột do bệnh lý hoặc vết thương bụng	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1095		3.4076	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi điều trị thủng tạng rỗng (trong chấn thương bụng)	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1096		3.4077	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi tắc ruột do dây chằng	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1097		3.4078	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1098		3.4079	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1099		3.408	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt ruột non	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1100		3.4082	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi tạo hình phần nối bề thân- niệu quản	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1101		3.4118	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cấp cứu vỡ bàng quang	Đặng Trung Chiến, Phạm Phú Đức, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Từ Liêm	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương

1102	3.4122	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn ẩn trong ổ bụng	Đặng Thuần Chiến, Phạm Thị Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại sản, Chuyên khoa cấp I
1103	3.4128	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn từ trong ổ bụng 1 thì	Đặng Thuần Chiến, Phạm Thị Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại sản, Chuyên khoa cấp I
1104	3.4129	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn từ trong ổ bụng 2 thì	Đặng Thuần Chiến, Phạm Thị Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại sản, Chuyên khoa cấp I
1105	3.413	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi ổ bụng thăm dò xác định giới tính ± sinh thiết	Đặng Thuần Chiến, Phạm Thị Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại sản, Chuyên khoa cấp I
1106	3.4164	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi sinh thiết nội quan lồng ngực/ổ bụng	Đặng Thuần Chiến, Phạm Thị Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại sản, Chuyên khoa cấp I
1107	3.42	03. NHI KHOA	Mở màng ngoài tim cấp cứu	Đặng Thuần Chiến, Phạm Thị Diên, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thuần	Chuyên khoa cấp II Ngoại sản, Chuyên khoa cấp I
1108	3.4246	03. NHI KHOA	Thảo bọt các loại	Khiêm Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Linh, Nguyễn Minh Thiên, Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1109	3.4254	03. NHI KHOA	Xét nghiệm cần dự phần		
1110	3.43	03. NHI KHOA	Siêu âm doppler mạch máu cấp cứu		
1111	3.44	03. NHI KHOA	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Vũ Thị Mai Linh, Phạm Vương Quân, Khanh Linh, Phạm Thị Việt, Huỳnh Ngọc Thảo	
1112	3.46	03. NHI KHOA	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường		
1113	3.461	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị dị chứng bại liệt		
1114	3.462	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt chi trên		
1115	3.463	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt chi dưới		
1116	3.464	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt nửa người		
1117	3.465	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ		
1118	3.466	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị teo cơ		
1119	3.468	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị bại não		
1120	3.47	03. NHI KHOA	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	Vũ Thị Mai Linh, Phạm Vương Quân, Khanh Linh, Phạm Thị Việt, Huỳnh Ngọc Thảo	
1121	3.472	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị chứng nổi ngao, nổi lặn		
1122	3.473	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị khản tiếng		
1123	3.477	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đông kinh cục bộ		
1124	3.478	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu		
1125	3.48	03. NHI KHOA	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp		
1126	3.482	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh		
1127	3.483	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V		
1128	3.484	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên		
1129	3.485	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị chắp leo		
1130	3.486	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị sụp mí		
1131	3.49	03. NHI KHOA	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	Trần Thị Trang Ngọc H, Đoàn Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung, Ngô Thị Hồng	
1132	3.495	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi		
1133	3.5	03. NHI KHOA	Chăm sóc catheter động mạch	Trần Thị Trang Ngọc H, Đoàn Đình Thị Thủy Lai, Võ Thị Mỹ Dung, Ngô Thị Hồng	
1134	3.503	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa		
1135	3.505	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị dai dăm		
1136	3.506	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị bị dai		
1137	3.507	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật		
1138	3.51	03. NHI KHOA	Ép tim ngoại lồng ngực	Khiêm Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Linh, Nguyễn Minh Thiên, Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1139	3.512	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não		
1140	3.513	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống		
1141	3.517	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị giảm đau do Zona		
1142	3.518	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm mũi xoang		
1143	3.519	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị hen phế quản		
1144	3.522	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn		
1145	3.523	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau ngực sườn		
1146	3.524	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm da dây thần kinh		
1147	3.525	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp		
1148	3.528	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau mắt cơ		
1149	3.53	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy		
1150	3.532	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị liệt		
1151	3.533	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị liệt chi trên		
1152	3.534	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị liệt chi dưới		
1153	3.535	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị liệt nửa người		
1154	3.536	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ		
1155	3.537	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị teo cơ		
1156	3.539	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị bại não		
1157	3.54	03. NHI KHOA	Thở máy với tần số cao (HFO)	Hoàng Ngọc Thanh, Nguyễn Thủy Diên, Trần Thị Dư, Phan Thủy Phương, Vũ Thị Ngọc Thảo	
1158	3.549	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu		
1159	3.55	03. NHI KHOA	Bơm surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh	Hoàng Ngọc Thanh, Nguyễn Thủy Diên, Trần Thị Dư, Phan Thủy Phương, Vũ Thị Ngọc Thảo	
1160	3.553	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh		
1161	3.554	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V		
1162	3.555	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên		
1163	3.569	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị đau vùng ngực		
1164	3.57	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn		
1165	3.571	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị đau ngực, sườn		
1166	3.578	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp		
1167	3.58	03. NHI KHOA	Thở máy bằng xâm nhập	Vũ Thị Mai Linh, Phạm Vương Quân, Khanh Linh, Phạm Thị Việt, Huỳnh Ngọc Thảo	
1168	3.585	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi		
1169	3.597	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não		
1170	3.598	03. NHI KHOA	Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống		
1171	3.603	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt		
1172	3.604	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên		
1173	3.605	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới		
1174	3.606	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người		
1175	3.608	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não		
1176	3.609	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em		
1177	3.61	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên		

1178		3.611	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới			
1179		3.612	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chóng mặt			
1180		3.616	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ			
1181		3.617	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh			
1182		3.618	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ			
1183		3.621	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược			
1184		3.624	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu			
1185		3.625	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ			
1186		3.627	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính			
1187		3.628	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh			
1188		3.629	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V			
1189		3.63	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên			
1190		3.631	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí			
1191		3.635	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình			
1192		3.637	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang			
1193		3.638	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản			
1194		3.641	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực			
1195		3.642	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn			
1196		3.643	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn			
1197		3.644	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau da dày			
1198		3.646	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp			
1199		3.649	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mắt cơ			
1200		3.65	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai			
1201		3.651	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy			
1202		3.654	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi			
1203		3.663	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não			
1204		3.664	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống			
1205		3.665	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật			
1206		3.668	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị dãi dầm			
1207		3.673	03. NHI KHOA	Cửu điều trị đau bụng ja chảy thể hàn			
1208		3.674	03. NHI KHOA	Cửu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn			
1209		3.675	03. NHI KHOA	Cửu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn			
1210		3.676	03. NHI KHOA	Cửu điều trị ngoại cảm phong hàn			
1211		3.677	03. NHI KHOA	Cửu điều trị liệt thể hàn			
1212		3.678	03. NHI KHOA	Cửu điều trị liệt chi trên thể hàn			
1213		3.679	03. NHI KHOA	Cửu điều trị liệt chi dưới thể hàn			
1214		3.68	03. NHI KHOA	Cửu điều trị liệt nửa người thể hàn			
1215		3.681	03. NHI KHOA	Cửu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn			
1216		3.682	03. NHI KHOA	Cửu điều trị bại não thể hàn			
1217		3.685	03. NHI KHOA	Cửu điều trị giảm khứu giác thể hàn			
1218		3.686	03. NHI KHOA	Cửu điều trị khản tiếng thể hàn			
1219		3.688	03. NHI KHOA	Cửu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn			
1220		3.689	03. NHI KHOA	Cửu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn			
1221		3.69	03. NHI KHOA	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu			
1222		3.691	03. NHI KHOA	Cửu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn			
1223		3.692	03. NHI KHOA	Cửu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn			
1224		3.693	03. NHI KHOA	Cửu điều trị dãi dầm thể hàn			
1225		3.696	03. NHI KHOA	Cửu điều trị cảm cúm thể hàn			
1226		3.7	03. NHI KHOA	Siêu âm màng phổi			
1227		3.71	03. NHI KHOA	Theo dõi EtCO2 liên tục tại giường	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
1228		3.718	03. NHI KHOA	Tập vận động PHCN sau bỏng	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1229		3.73	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật bàn tay	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1230		3.731	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu sau mổ vì phẫu nội thần kinh ngoại biên và mô mềm	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1231		3.75	03. NHI KHOA	Cạo máu xơ	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn, Bs Trần Bá Lâm, Bs Trần Văn Quân, Bs Trần		
1232		3.76	03. NHI KHOA	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản.			
1233		3.763	03. NHI KHOA	Kỹ năng sử dụng xe lăn			
1234		3.766	03. NHI KHOA	Hoạt động trị liệu theo nhóm 30 phút			
1235		3.769	03. NHI KHOA	Hoạt động trị liệu			
1236		3.77	03. NHI KHOA	Đặt nội khí quản	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1237		3.778	03. NHI KHOA	Dẫn lưu tư thể			
1238		3.779	03. NHI KHOA	Kỹ thuật di động khớp - trượt khớp			
1239		3.78	03. NHI KHOA	Mở khí quản	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1240		3.78	03. NHI KHOA	Kỹ thuật kéo giãn			
1241		3.789	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị veo cổ	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1242		3.79	03. NHI KHOA	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1243		3.79	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị tật bàn chân khoèo bẩm sinh			
1244		3.792	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể nhẹ			
1245		3.793	03. NHI KHOA	Khám-đánh giá người bệnh PHCN xây dựng mục tiêu và phương pháp			
1246		3.795	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ			
1247		3.796	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp			
1248		3.797	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể cơ cứng			
1249		3.798	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não nửa vòm			
1250		3.8	03. NHI KHOA	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	Kpá Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phúc, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1251		3.8	03. NHI KHOA	Đánh giá kỹ năng Vận động thô			
1252		3.801	03. NHI KHOA	Đánh giá trẻ Bại não			
1253		3.803	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN			

1254		3.807	03. NHI KHOA	Xoa bóp cục bộ bằng tay			
1255		3.808	03. NHI KHOA	Xoa bóp toàn thân bằng tay			
1256		3.809	03. NHI KHOA	Chườm lạnh			
1257		3.81	03. NHI KHOA	Bơm rửa màng phổi			
1258		3.811	03. NHI KHOA	Tập vận động có trợ giúp			
1259		3.812	03. NHI KHOA	Vỗ rung lồng ngực			
1260		3.813	03. NHI KHOA	Xoa bóp			
1261		3.814	03. NHI KHOA	Tập ho			
1262		3.815	03. NHI KHOA	Tập thở			
1263		3.816	03. NHI KHOA	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay			
1264		3.817	03. NHI KHOA	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi			
1265		3.818	03. NHI KHOA	Sử dụng xe lăn			
1266		3.819	03. NHI KHOA	Kỹ thuật thay đổi tư thế lần trở khi nằm			
1267		3.82	03. NHI KHOA	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, thở BiPAP)	Vũ Thị Thanh Lâm, Phạm Vương Quân, Khanh Dì, Phạm Thị Văn, Nguyễn Ngọc Thảo, Đỗ Thị Ngọc, Võ Thị Ngọc, Lê Thị Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc, Lê Thị Ngọc, Võ Thị Ngọc		
1268		3.82	03. NHI KHOA	Tập vận động chủ động			
1269		3.821	03. NHI KHOA	Tập vận động có kháng trở			
1270		3.822	03. NHI KHOA	Tập vận động thụ động			
1271		3.823	03. NHI KHOA	Đeo tam vận động khớp			
1272		3.824	03. NHI KHOA	Đắp nạng			
1273		3.825	03. NHI KHOA	Thử cơ bằng tay	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1274		3.826	03. NHI KHOA	Điều trị seo bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm seo	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1275		3.827	03. NHI KHOA	Điều trị seo bằng băng dâv seo- massage seo với các thuốc làm mềm seo	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1276		3.828	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1277		3.83	03. NHI KHOA	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1278		3.83	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1279		3.831	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh quav	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1280		3.832	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1281		3.833	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1282		3.834	03. NHI KHOA	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1283		3.835	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1284		3.836	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1285		3.837	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1286		3.838	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN viêm xương khớp vai	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1287		3.839	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN trật khớp vai	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1288		3.84	03. NHI KHOA	Chọc thăm dò màng phổi	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1289		3.84	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN gây xuong đòn	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1290		3.841	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1291		3.842	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN sau phẫu thuật chi dưới	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1292		3.843	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN sau phẫu thuật chi trên	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1293		3.844	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1294		3.845	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN sau phẫu thuật lồng ngực	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1295		3.846	03. NHI KHOA	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1296		3.848	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh gãy thân xương đùi	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1297		3.849	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN gãy cổ xương đùi	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1298		3.85	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN gãy trên lõi cầu xương cánh tay	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1299		3.851	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN gãy hai xương cẳng tay	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1300		3.852	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN gãy đầu dưới xương quay	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1301		3.853	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN gãy hai xương cẳng chân	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1302		3.854	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN trong tổn thương thần kinh chav	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1303		3.856	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN trong gãy đầu dưới xương đùi	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1304		3.857	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN sau chấn thương xương chậu	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1305		3.858	03. NHI KHOA	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1306		3.859	03. NHI KHOA	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả dưới gối	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1307		3.86	03. NHI KHOA	Dẫn lưu màng phổi liên tục	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1308		3.861	03. NHI KHOA	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1309		3.865	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN trong veo cổ cấp	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1310		3.866	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu trong suy tim	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1311		3.87	03. NHI KHOA	Theo dõi độ bão hòa oxy (SpO2) liên tục tại giường	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1312		3.87	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnhteo cơ tiến triển	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1313		3.873	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh bong	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1314		3.876	03. NHI KHOA	Phục hồi chức năng thoát hóa khớp (cột sống cổ - lưng)	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1315		3.877	03. NHI KHOA	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1316		3.878	03. NHI KHOA	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lu-nh	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1317		3.879	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng cho người bệnh hồi chứng đuôi ngựa	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1318		3.88	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh đau thần kinh toa	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1319		3.881	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh liệt dâv VII ngoại biên	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1320		3.885	03. NHI KHOA	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1321		3.886	03. NHI KHOA	Xoa bóp lưng, chân	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1322		3.887	03. NHI KHOA	Xoa bóp	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1323		3.888	03. NHI KHOA	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nổi trĩ các khoa	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1324		3.889	03. NHI KHOA	Tập do cứng khớp	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1325		3.89	03. NHI KHOA	Khi dùng thuốc cấp cứu	Vũ Thị Thanh Lâm, Phạm Vương Quân, Khanh Dì, Phạm Thị Văn, Nguyễn Ngọc Thảo, Đỗ Thị Ngọc, Võ Thị Ngọc, Lê Thị Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc, Lê Thị Ngọc, Võ Thị Ngọc		
1326		3.89	03. NHI KHOA	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người, liệt các chi,tổn thương	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1327		3.891	03. NHI KHOA	Tập do liệt thần kinh trung ương	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1328		3.892	03. NHI KHOA	Tập vận động đoạn chi 30 phút	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1329		3.893	03. NHI KHOA	Tập vận động đoạn chi 15 phút	Kỳ Thị Minh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	

1330		3.894	03. NHI KHOA	Tập vận động toàn thân 30 phút			
1331		3.895	03. NHI KHOA	Tập vận động toàn thân 15 phút			
1332		3.896	03. NHI KHOA	Tập vận động cột sống			
1333		3.897	03. NHI KHOA	Tập KT tạo thuận VD cho trẻ (lẫy, ngồi, bò, đứng, đi...)			
1334		3.898	03. NHI KHOA	Tập cho trẻ bị xơ hóa cơ			
1335		3.899	03. NHI KHOA	Tập cho trẻ bị tật tay/chân			
1336		3.9	03. NHI KHOA	Khí dung thuốc thở máy			
1337		3.9	03. NHI KHOA	Tập vận động tại giường			
1338		3.904	03. NHI KHOA	Tập với xe lăn			
1339		3.906	03. NHI KHOA	Vật lý trị liệu hô hấp tại giường bệnh			
1340		3.91	03. NHI KHOA	Hút đờm qua ống nối khí quản bằng catheter một lần	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
1341		3.93	03. NHI KHOA	Vận động trị liệu hô hấp			
1342		3.95	03. NHI KHOA	Mở khí quản một thì cấp cứu ngạt thở	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
1343		3.96	03. NHI KHOA	Mở khí quản qua da cấp cứu	Bs Trần Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn		
1344		3.992	03. NHI KHOA	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxco (1 bên)			
1345		3.993	03. NHI KHOA	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxco (2 bên)			
1346		3.994	03. NHI KHOA	Nội soi cầm máu mũi			
1347		3.995	03. NHI KHOA	Nội soi thanh quản treo cắt hạt xơ			
1348		3.996	03. NHI KHOA	Nội soi thanh quản cắt papilloma			
1349		3.997	03. NHI KHOA	Nội soi mũi, họng có sinh thiết			
1350		3.999	03. NHI KHOA	Nội soi mũi xoang			
1351		10.1004	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1352		10.1005	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1353		10.1006	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1354		10.1008	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1355		10.1012	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột gãy mâm chậu	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1356		10.1015	10. NGOẠI KHOA	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1357		10.1023	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương gót	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1358		10.1025	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1359		10.1113	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng chụ kỷ	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1360		10.1114	10. NGOẠI KHOA	Đặt prothese cổ định sản châu vào móm nhỏ xương cụt	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1361		10.1116	10. NGOẠI KHOA	Nắn cố gậy mé, bó bột bán chân nửa veo vào, bán chân bết/tát gôi cong	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1362		10.1117	10. NGOẠI KHOA	Nắn cố gậy mé, bó bột bán chân nửa veo vào, bán chân bết/tát gôi cong	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1363		10.152	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật dẫn lưu tòi thiếu khoang màng phổi	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1364		10.153	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1365		10.154	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mổ ngực cấp cứu	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1366		10.155	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương tím	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1367		10.156	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực - bụng qua đường ngực	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1368		10.159	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật khâu vết thương nhũ mô phổi	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1369		10.16	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy đi vật trong phổi - màng phổi	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1370		10.161	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực - bụng qua đường ngực	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1371		10.162	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực - bụng qua đường bụng	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1372		10.163	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị màng sườn di động	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1373		10.167	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1374		10.168	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch cánh	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1375		10.172	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật thất các mạch máu lớn ngoại vi	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1376		10.173	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị chấn thương - vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em	Kpá sinh, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Phi, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1377		10.174	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương động - tĩnh mạch chủ, mạch	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1378		10.271	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt một phần thủy phổi, cắt phổi không điển hình do bệnh lý	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1379		10.277	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt u nang phế quản	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1380		10.281	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật bóc màng phổi điều trị ổ cần, dây dính màng phổi	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1381		10.284	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật mổ ngực nhỏ tạo dính màng phổi	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1382		10.287	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật đánh xep ngực điều trị ổ cần màng phổi	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1383		10.288	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1384		10.289	10. NGOẠI KHOA	Mổ ngực thăm dò, sinh thiết	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1385		10.29	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt - khâu kín khí phổi	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1386		10.291	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị máu đọng màng phổi	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1387		10.292	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy đi vật phổi - màng phổi	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1388		10.293	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mô màng phổi	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1389		10.299	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận mỏng nửa, thận đa nang	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1390		10.301	10. NGOẠI KHOA	Cắt thận thận phụ (thận dư sỏi) với niệu quản lạc chỗ	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1391		10.304	10. NGOẠI KHOA	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1392		10.305	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật treo thận	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1393		10.306	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi san hô thận	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1394		10.307	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi mỡ bề thận trong xoang	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1395		10.308	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi mỡ bề thận, dài thận có dẫn lưu thận	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1396		10.318	10. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1397		10.32	10. NGOẠI KHOA	Tạo hình khúc nối bề thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson -	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1398		10.325	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1399		10.329	10. NGOẠI KHOA	Nong niệu quản	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1400		10.331	10. NGOẠI KHOA	Tạo hình niệu quản do phình to niệu quản	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1401		10.333	10. NGOẠI KHOA	Cầm lại niệu quản - bàng quang	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1402		10.335	10. NGOẠI KHOA	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1403		10.355	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi bàng quang	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1404		10.359	10. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	
1405		10.36	10. NGOẠI KHOA	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Den, Mai Chi Son, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi	

1406		10.364	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật sa niệu đạo nữ	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1407		10.373	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật lõ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1408		10.374	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật lõ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1409		10.384	10. NGOAI KHOA	Tạo hình dương vật do lệch lạc phẫu thuật do gien	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1410		10.389	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị lõ niệu đạo lệch thấp 1 thì	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1411		10.39	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị lõ niệu đạo lệch thấp 2 thì	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1412		10.391	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị lõ niệu đạo mất lưng dương vật	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1413		10.394	10. NGOAI KHOA	Hạt tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1414		10.395	10. NGOAI KHOA	Cắt tinh mạc	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1415		10.396	10. NGOAI KHOA	Cắt mào tinh	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1416		10.397	10. NGOAI KHOA	Cắt thể Morgani xoắn	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1417		10.406	10. NGOAI KHOA	Cắt bộ tinh hoàn	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1418		10.408	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật trần dịch màng tinh hoàn	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1419		10.411	10. NGOAI KHOA	Cắt hẹp bao quy đầu	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1420		10.423	10. NGOAI KHOA	Đông rò thực quản	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1421		10.424	10. NGOAI KHOA	Đông rò thực quản - khi quản	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1422		10.443	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị teo thực quản	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1423		10.45	10. NGOAI KHOA	Các phẫu thuật thực quản khác	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1424		10.452	10. NGOAI KHOA	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1425		10.453	10. NGOAI KHOA	Nội y trắng	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1426		10.454	10. NGOAI KHOA	Cắt da dầy hình chêm	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1427		10.455	10. NGOAI KHOA	Cắt đoạn da dầy	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1428		10.456	10. NGOAI KHOA	Cắt đoạn da dầy và mạc nối lớn	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1429		10.457	10. NGOAI KHOA	Cắt toàn bộ da dầy	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1430		10.458	10. NGOAI KHOA	Cắt lại da dầy	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1431		10.463	10. NGOAI KHOA	Khẩu lõ thủng da dầy tá tràng	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1432		10.469	10. NGOAI KHOA	Mở cơ môn vị	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1433		10.47	10. NGOAI KHOA	Tạo hình môn vị	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1434		10.471	10. NGOAI KHOA	Mổ da dầy xử lý tổn thương	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1435		10.472	10. NGOAI KHOA	Các phẫu thuật da dầy khác	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1436		10.478	10. NGOAI KHOA	Cắt màng ngăn tá tràng	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1437		10.479	10. NGOAI KHOA	Mở thông hồng tràng hoặc mở thông ruột trắng	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1438		10.48	10. NGOAI KHOA	Khẩu lõ thủng hoặc khẩu vết thương ruột non	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1439		10.481	10. NGOAI KHOA	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1440		10.482	10. NGOAI KHOA	Thảo xoắn ruột non	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1441		10.483	10. NGOAI KHOA	Thảo lỏng ruột non	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1442		10.484	10. NGOAI KHOA	Đẩy bả thức ăn xuống đại tràng	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1443		10.485	10. NGOAI KHOA	Mở ruột non lấy dị vật (bả thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1444		10.486	10. NGOAI KHOA	Cắt ruột non hình chêm	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1445		10.487	10. NGOAI KHOA	Cắt đoạn ruột non, lấp lại lưu thông	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1446		10.488	10. NGOAI KHOA	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	Đặng Hữu Chiến, Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi

1482		10.546	10. NGOAI KHOA	Các phẫu thuật trực tràng khác	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1483		10.556	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1484		10.557	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1485		10.558	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1486		10.565	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1487		10.567	10. NGOAI KHOA	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1488		10.569	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1489		10.571	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tăng sinh môn đơn giản	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1490		10.572	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tăng sinh môn phức tạp	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1491		10.573	10. NGOAI KHOA	Các phẫu thuật hậu môn khác	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1492		10.574	10. NGOAI KHOA	Thăm dò, sinh thiết gan	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1493		10.576	10. NGOAI KHOA	Cắt gan phải	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1494		10.577	10. NGOAI KHOA	Cắt gan trái	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1495		10.607	10. NGOAI KHOA	Cắt lọc nhu mô gan	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1496		10.608	10. NGOAI KHOA	Cầm máu nhu mô gan	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1497		10.609	10. NGOAI KHOA	Chẩn đoán nhu mô gan cầm máu	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1498		10.611	10. NGOAI KHOA	Cắt chỏm nang gan	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1499		10.616	10. NGOAI KHOA	Dẫn lưu áp xe gan	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1500		10.62	10. NGOAI KHOA	Mơ thông túi mật	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1501		10.622	10. NGOAI KHOA	Mơ ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1502		10.623	10. NGOAI KHOA	Mơ ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1503		10.624	10. NGOAI KHOA	Mơ ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nối sỏi đường mật	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1504		10.631	10. NGOAI KHOA	Các phẫu thuật lấy sỏi mật khác	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1505		10.632	10. NGOAI KHOA	Nội mật ruột bên - bên	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1506		10.633	10. NGOAI KHOA	Nội mật ruột trên - bên	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1507		10.634	10. NGOAI KHOA	Nội nối bả đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hồng tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1508		10.637	10. NGOAI KHOA	Cắt nang ống mật chủ	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1509		10.638	10. NGOAI KHOA	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1510		10.639	10. NGOAI KHOA	Các phẫu thuật đường mật khác	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1511		10.64	10. NGOAI KHOA	Khẩu vết thương tuy và dẫn lưu	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1512		10.641	10. NGOAI KHOA	Dẫn lưu nang tuy	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1513		10.642	10. NGOAI KHOA	Nội nang tuy với tá tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1514		10.643	10. NGOAI KHOA	Nội nang tuy với tá dày	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1515		10.644	10. NGOAI KHOA	Nội nang tuy với hồng tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1516		10.645	10. NGOAI KHOA	Cắt bỏ nang tuy	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1517		10.648	10. NGOAI KHOA	Cắt khối tá tuy	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1518		10.673	10. NGOAI KHOA	Cắt lách do chấn thương	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1519		10.674	10. NGOAI KHOA	Cắt lách bệnh lý	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1520		10.675	10. NGOAI KHOA	Cắt lách bán phần	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1521		10.676	10. NGOAI KHOA	Khẩu vết thương lách	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1522		10.678	10. NGOAI KHOA	Các phẫu thuật lách khác	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1523		10.683	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1524		10.684	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1525		10.685	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1526		10.686	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1527		10.687	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1528		10.688	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật rò, nang ống rốn trạng, niệu rốn	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1529		10.689	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1530		10.69	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1531		10.691	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1532		10.692	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1533		10.693	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1534		10.695	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật cắt u cơ hoành	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1535		10.696	10. NGOAI KHOA	Các phẫu thuật cơ hoành khác	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1536		10.697	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật cắt u thành bụng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1537		10.698	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do thoát vị mổ	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1538		10.699	10. NGOAI KHOA	Khẩu vết thương thành bụng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1539		10.7	10. NGOAI KHOA	Các phẫu thuật thành bụng khác	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1540		10.701	10. NGOAI KHOA	Mơ bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1541		10.712	10. NGOAI KHOA	Lấy u phúc mạc	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1542		10.713	10. NGOAI KHOA	Lấy u sau phúc mạc	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa cấp II Ngoại Nhi, Chuyên khoa cấp I Ngoại Nhi
1543		10.719	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đền, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh H	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1544		10.72	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng đòn	Rệp sinitit, Nguyễn Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Anh, Nguyễn Văn Hiên, Nguyễn Văn	

[illegible]

1634		10.841	10. NGOAI KHOA	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1635		10.842	10. NGOAI KHOA	Khâu phục hồi tổn thương gân dưới	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1636		10.843	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1637		10.85	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1638		10.851	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1639		10.859	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1640		10.86	10. NGOAI KHOA	Thương tích bàn tay giãn đơn	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1641		10.861	10. NGOAI KHOA	Thương tích bàn tay phức tạp	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1642		10.862	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật làm mềm mắt ngón và đốt bàn ngón	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1643		10.863	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật cắt đứt cẳng tay, cánh tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1644		10.864	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1645		10.865	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1646		10.87	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1647		10.871	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1648		10.874	10. NGOAI KHOA	Cắt chân thương cổ và bàn chân	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1649		10.877	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật tổn thương gân Achilles	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1650		10.883	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị gãy bệnh chệch	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1651		10.885	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1652		10.886	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles tới mu bàn	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1653		10.892	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật chỉnh hình bàn chân khèo theo phương pháp PONSSETI	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1654		10.893	10. NGOAI KHOA	Chuyển vật da cần - cơ cuống mạch liên	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1655		10.908	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lõi cầu xương cánh tay cổ tổn thương	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1656		10.909	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lõi cầu ngoài xương cánh tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1657		10.91	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rộng rọc xương cánh tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1658		10.911	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1659		10.913	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1660		10.915	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1661		10.917	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1662		10.918	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1663		10.919	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1664		10.92	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1665		10.921	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1666		10.932	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương trên mắt hân hình tăng sáng	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1667		10.934	10. NGOAI KHOA	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1668		10.936	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liên	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1669		10.937	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1670		10.94	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật vùi phôi nôi mạch chi	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1671		10.941	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật sửa trục chi (kết hợp xương bằng nẹp vis, Champon, Kim	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1672		10.942	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật cắt đứt chi	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1673		10.943	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật tháo khớp chi	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1674		10.946	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật chuyển gân chi (Chuyển gân chân sau, chày trước, cơ mắt bên	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1675		10.947	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật lấy xương chết, nano viêm	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1676		10.948	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật đặt lại khớp gập kim có xương cánh tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1677		10.949	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật đặt lại khớp, gập kim có dính (buộc vòng chỉ thép)	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1678		10.952	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật sửa môm cụt chi	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1679		10.953	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật sửa môm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1680		10.954	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1681		10.955	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1682		10.956	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1683		10.959	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1684		10.96	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật và da diện tích	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1685		10.961	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật và da diện tích từ 5-10 cm ²	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1686		10.962	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật và da diện tích >10 cm ²	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1687		10.965	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ông cổ tay, Khuỷu...)	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1688		10.968	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật ghép xương tự thân	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1689		10.97	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1690		10.972	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật U máu	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1691		10.973	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật ổ dính gân gấp	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1692		10.974	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật ổ dính gân dưới	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1693		10.977	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật và da dày > 1 cm ²	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1694		10.978	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật và da móng	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1695		10.979	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật viêm xương	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1696		10.98	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật nano viêm + lấy xương chết	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1697		10.984	10. NGOAI KHOA	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1698		10.997	10. NGOAI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1699		10.998	10. NGOAI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1700		10.999	10. NGOAI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1701		11.1	11. BONG	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1702		11.102	11. BONG	Khám chỉ chứng bỏng	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1703		11.103	11. BONG	Cắt sẹo khâu kín	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1704		11.104	11. BONG	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1705		11.11	11. BONG	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bỏng sâu	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1706		11.111	11. BONG	Kỹ thuật tạo vật da chữ Z điều trị sẹo bỏng	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1707		11.112	11. BONG	Kỹ thuật tạo vật da V-Y điều trị sẹo bỏng	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1708		11.113	11. BONG	Sử dụng vật 5 cánh (five flap) trong điều trị sẹo bỏng	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1709		11.115	11. BONG	Kỹ thuật tạo vật da tại chỗ điều trị sẹo bỏng	Kpa minh, Nguyen Quang Khoa, Huỳnh Diệp Vũ Ph, Nguyen Minh Triết, Nguyen	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương

1710		11.116	11. BÔNG	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	BSA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1711		11.12	11. BÔNG	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1712		11.13	11. BÔNG	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1713		11.134	11. BÔNG	Gấp mé thay băng người bệnh có diện tích bỏng từ 10 - 39% diện tích cơ	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1714		11.135	11. BÔNG	Gấp mé thay băng người bệnh có diện tích bỏng < 10% diện tích cơ thể	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1715		11.14	11. BÔNG	Gấp mé thay băng bỏng	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1716		11.2	11. BÔNG	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1717		11.21	11. BÔNG	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1718		11.22	11. BÔNG	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1719		11.26	11. BÔNG	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1720		11.27	11. BÔNG	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1721		11.28	11. BÔNG	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1722		11.32	11. BÔNG	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1723		11.33	11. BÔNG	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1724		11.34	11. BÔNG	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1725		11.6	11. BÔNG	Thay băng điều trị vết bỏng trên 60% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1726		11.7	11. BÔNG	Thay băng điều trị vết bỏng từ 40% - 60% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1727		11.77	11. BÔNG	Khám người bệnh bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1728		11.79	11. BÔNG	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1729		11.8	11. BÔNG	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1730		11.8	11. BÔNG	Xử lý tại chỗ ki dầu từ thương bỏng	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1731		11.81	11. BÔNG	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1732		11.82	11. BÔNG	Sơ cấp cứu bỏng acid	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1733		11.84	11. BÔNG	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1734		11.87	11. BÔNG	Mở khi quần cấp cứu qua tổn thương bỏng	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1735		11.89	11. BÔNG	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người bệnh bỏng	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1736		11.9	11. BÔNG	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1737		11.9	11. BÔNG	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị người bệnh bỏng	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1738		11.91	11. BÔNG	Theo dõi chăm sóc người bệnh bỏng nặng	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1739		11.97	11. BÔNG	Tăm điều trị người bệnh bỏng	KHA MINH, NGUYỄN QUANG KHOI, NGUYỄN DIỆP VŨ PH, NGUYỄN MINH RIEN, NGUYỄN	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương
1740		12.1	12. UNG BUỒU	Cắt các u lành vùng cổ	TU TIẾN CẨM, TẠM VĨNG QUANG, KHUẤT DŨ, PHAM THỊ VINH, NGUYỄN NGỌC TIÊU,	BS chuyên khoa II Tai mũi họng, BS chuyên khoa I
1741		12.11	12. UNG BUỒU	Cắt các u lành tuyến giáp	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1742		12.12	12. UNG BUỒU	Cắt u nang giáp móng	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1743		12.169	12. UNG BUỒU	Phẫu thuật bóc kết nang mô phổi	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1744		12.17	12. UNG BUỒU	Phẫu thuật bóc kết trong nhu mô phổi	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1745		12.178	12. UNG BUỒU	Cắt u nang phổi hoặc u nang phế quản	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1746		12.18	12. UNG BUỒU	Cắt thủy phôi, phân phổi còn lại	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1747		12.2	12. UNG BUỒU	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1748		12.242	12. UNG BUỒU	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1749		12.247	12. UNG BUỒU	Cắt nang niệu quản	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1750		12.261	12. UNG BUỒU	Cắt u sỏi đầu miệng sáo	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1751		12.262	12. UNG BUỒU	Cắt u nang thừng tinh	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1752		12.265	12. UNG BUỒU	Cắt u lành dương vật	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1753		12.267	12. UNG BUỒU	Cắt u vú lành tính	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1754		12.283	12. UNG BUỒU	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1755		12.284	12. UNG BUỒU	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1756		12.285	12. UNG BUỒU	Phẫu thuật mở bụng/nội soi bóc u lành tử cung	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1757		12.3	12. UNG BUỒU	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1758		12.31	12. UNG BUỒU	Cắt u thần kinh	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1759		12.311	12. UNG BUỒU	Cắt u xơ cơ xâm lấn	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1760		12.314	12. UNG BUỒU	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ 5 - 10 cm	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1761		12.318	12. UNG BUỒU	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1762		12.325	12. UNG BUỒU	Cắt u xương, sụn	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1763		12.6	12. UNG BUỒU	Cắt các loại u vùng mắt có đường kính dưới 5 cm	BS YER	BSCKI Răng Hàm Mặt
1764		12.7	12. UNG BUỒU	Cắt các loại u vùng mắt có đường kính 5 đến 10 cm	BS YER	BSCKI Răng Hàm Mặt
1765		13.18	13. PHU SAN	Bơm Surfactant thay thế qua nội khí quản	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1766		13.181	13. PHU SAN	Nuôi dưỡng sơ sinh qua đường tĩnh mạch	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1767		13.182	13. PHU SAN	Laser điều trị bệnh lý vồng mạc sơ sinh (ROP)	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1768		13.183	13. PHU SAN	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1769		13.184	13. PHU SAN	Chọc dò màng bụng sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1770		13.185	13. PHU SAN	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1771		13.186	13. PHU SAN	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy	BS TRẦN NGỌC ĐỨC, BS TÔ ANH PHƯƠNG, NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM TH	
1772		13.187	13. PHU SAN	Hỗ hâp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1773		13.188	13. PHU SAN	Chọc dò tủy sống sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1774		13.189	13. PHU SAN	Điều trị vãng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1775		13.19	13. PHU SAN	Truyền máu sơ sinh	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1776		13.191	13. PHU SAN	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1777		13.192	13. PHU SAN	Đặt ống thông da dầy (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1778		13.193	13. PHU SAN	Rửa da dầy sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1779		13.195	13. PHU SAN	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1780		13.196	13. PHU SAN	Khám sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1781		13.197	13. PHU SAN	Chăm sóc rốn sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1782		13.198	13. PHU SAN	Tắm sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1783		13.199	13. PHU SAN	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	ĐANG THỊ CHUỆT, TẠM VŨ DŨ, MÃ CẨM SƠN, NGUYỄN NGỌC TIÊU, TẠM THỊ THẨM	Chuyên khoa cấp II Ngươi rũi, Chuyên khoa cấp I
1784		13.2	13. PHU SAN	Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	
1785		13.201	13. PHU SAN	Hội sức sơ sinh ngay sau sinh	HOÀNG NGỌC THẨM, NGUYỄN THUY DIỆN, TẠM THỊ DŨ, PHAM THUY PHƯƠNG, VŨ TH	

1786		13.202	13. PHU SAN	Cổ định tam thời gãy xương sọ sinh	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chấn thương	
1787		13.1	13. PHU SAN	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cải răng lược			
1788		13.2	13. PHU SAN	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên			
1789		14.106	14. MAT	Đóng lỗ rò đường lệ	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm mắt, Khúc xạ dành cho bác sĩ mắt, vi phẫu	
1790		14.112	14. MAT	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mí	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1791		14.166	14. MAT	Lấy đi vật giác mạc sâu	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1792		14.171	14. MAT	Khâu da mí đơn giản	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1793		14.183	14. MAT	Bơm hơi/khí tiền phòng	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1794		14.202	14. MAT	Lấy calci kết mạc	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1795		14.203	14. MAT	Cắt chỉ khâu da mí đơn giản	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1796		14.205	14. MAT	Đốt lông xiêu, nhỏ lông siêu	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1797		14.208	14. MAT	Thay băng vô khuẩn	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1798		14.209	14. MAT	Trà thuốc nhỏ mắt	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1799		14.213	14. MAT	Bóc sợi giác mạc	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1800		14.216	14. MAT	Rạch áp xe túi lệ	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1801		14.223	14. MAT	Khám lâm sàng mắt	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1802		14.24	14. MAT	Siêu âm mắt	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1803		14.258	14. MAT	Đo khúc xạ máy	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1804		14.26	14. MAT	Đo thị lực	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1805		14.261	14. MAT	Thử kính	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1806		14.262	14. MAT	Đo độ lác	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1807		14.264	14. MAT	Đo biên độ điều tiết	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1808		14.293	14. MAT	Siêu âm + đo trục nhãn cầu	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1809		14.83	14. MAT	Cắt u da mí không ghép	Đoàn Thị Huệ	ck1 Mắt, CC đào tạo liên tục siêu âm	
1810		15.1	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng laser	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1811		15.102	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1812		15.103	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật cắt xoang hơi cuộn mũi giữa	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1813		15.104	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuộn mũi giữa	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1814		15.105	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật chỉnh hình cuộn mũi dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1815		15.106	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuộn mũi dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1816		15.107	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật cuộn mũi dưới bằng sóng cao tần	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1817		15.109	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi cắt cuộn dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1818		15.11	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật thông vách ngăn mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1819		15.111	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi bit lỗ thông vách ngăn mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1820		15.112	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1821		15.113	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1822		15.114	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1823		15.116	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật vỡ xoang hàm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1824		15.117	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật mở xoang hàm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1825		15.118	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng- hàm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1826		15.12	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1827		15.121	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật chấn thương xương gò má	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1828		15.122	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1829		15.123	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1830		15.127	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1831		15.128	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1832		15.129	15. TAI MŨI HONG	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1833		15.13	15. TAI MŨI HONG	Đốt điện cuộn mũi dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1834		15.131	15. TAI MŨI HONG	Nội soi đốt điện cuộn mũi dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1835		15.132	15. TAI MŨI HONG	Bé cuộn mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1836		15.133	15. TAI MŨI HONG	Nội soi bé cuộn mũi dưới	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1837		15.134	15. TAI MŨI HONG	Nâng xương chỉnh mũi sau chấn thương	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1838		15.135	15. TAI MŨI HONG	Sinh thiết hốc mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1839		15.136	15. TAI MŨI HONG	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1840		15.137	15. TAI MŨI HONG	Nội soi sinh thiết u vòm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1841		15.139	15. TAI MŨI HONG	Phương pháp Proetz	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1842		15.142	15. TAI MŨI HONG	Cắm máu mũi bằng vật liệu cầm máu	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1843		15.143	15. TAI MŨI HONG	Lấy đi vật mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1844		15.144	15. TAI MŨI HONG	Nội soi lấy đi vật mũi gây té/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1845		15.145	15. TAI MŨI HONG	Cắm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (bạc nitrat)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1846		15.146	15. TAI MŨI HONG	Rút meche, rút merocel hốc mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1847		15.147	15. TAI MŨI HONG	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1848		15.148	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật chỉnh hình hòm màn hầu lưỡi gà (UPPP)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1849		15.149	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật cắt Amidan	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1850		15.151	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật cắt u Amidan	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1851		15.152	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amidan (gây mê)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1852		15.153	15. TAI MŨI HONG	Nạo VA	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1853		15.154	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1854		15.155	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nạo VA nội soi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1855		15.158	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1856		15.159	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/hở lưỡi thanh thiệt	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1857		15.161	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi tách dính dây thanh	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1858		15.166	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xo/u hạt dây	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1859		15.167	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/polyp/hạt xo/u hạt dây	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1860		15.168	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papiloma, kén hơi thanh	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		
1861		15.174	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim		

1862		15.175	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật mở khí quản thể khó (trẻ sơ sinh, sau xa trị, u vùng cổ, K tuyến	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1863		15.189	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật chân thương thanh khí quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1864		15.194	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1865		15.195	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	Bs Yer Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BSCKI Răng Hàm Mát
1866		15.196	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật cắt u lưỡi nhân lưỡi di động	Bs Yer Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BSCKI Răng Hàm Mát
1867		15.204	15. TAI MUI HONG	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	Bs Yer Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BSCKI Răng Hàm Mát
1868		15.205	15. TAI MUI HONG	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	Bs Yer Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BSCKI Răng Hàm Mát
1869		15.206	15. TAI MUI HONG	Trích áp xe sàn miệng	Bs Yer Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BSCKI Răng Hàm Mát
1870		15.208	15. TAI MUI HONG	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1871		15.209	15. TAI MUI HONG	Cắt phanh lưỡi	Bs Yer Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BSCKI Răng Hàm Mát
1872		15.21	15. TAI MUI HONG	Sinh thiết u hạ họng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1873		15.211	15. TAI MUI HONG	Sinh thiết u họng miệng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	
1874		15.214	15. TAI MUI HONG	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	Bs Yer Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BSCKI Răng Hàm Mát
1875		15.215	15. TAI MUI HONG	Đốt hồng hạt bằng nhiệt	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1876		15.216	15. TAI MUI HONG	Ap lạnh hồng hạt (Nitor, CO2 lỏng)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1877		15.217	15. TAI MUI HONG	Ap lạnh Amidan (Nitor, CO2 lỏng)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1878		15.219	15. TAI MUI HONG	Đặt nội khí quản	Bs Thái Ngọc Đức, Bs Hồ Anh Tuấn, Nguyễn Thị Mối, Sư H. Đăng, Võ Thị Thu, Võ Thị Ngọc, Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1879		15.22	15. TAI MUI HONG	Thay canvun	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1880		15.221	15. TAI MUI HONG	Sơ cứu bỏng đường hô hấp	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1881		15.223	15. TAI MUI HONG	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1882		15.224	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1883		15.225	15. TAI MUI HONG	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1884		15.226	15. TAI MUI HONG	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1885		15.227	15. TAI MUI HONG	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1886		15.228	15. TAI MUI HONG	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1887		15.229	15. TAI MUI HONG	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1888		15.23	15. TAI MUI HONG	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1889		15.231	15. TAI MUI HONG	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1890		15.232	15. TAI MUI HONG	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1891		15.233	15. TAI MUI HONG	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1892		15.234	15. TAI MUI HONG	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1893		15.235	15. TAI MUI HONG	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1894		15.239	15. TAI MUI HONG	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1895		15.24	15. TAI MUI HONG	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1896		15.241	15. TAI MUI HONG	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1897		15.242	15. TAI MUI HONG	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1898		15.243	15. TAI MUI HONG	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1899		15.244	15. TAI MUI HONG	Nội soi khí quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1900		15.245	15. TAI MUI HONG	Nội soi khí quản ống mềm chẩn đoán gây tê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1901		15.246	15. TAI MUI HONG	Nội soi khí quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1902		15.248	15. TAI MUI HONG	Nội soi khí quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1903		15.249	15. TAI MUI HONG	Nội soi khí quản ống mềm sinh thiết u gây tê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1904		15.259	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật chân thương mạch máu vùng cổ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1905		15.264	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật cắt u dây lưỡi/hạ họng theo đường mổ xương hàm dưới không	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1906		15.289	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật khối u khoang bên họng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1907		15.29	15. TAI MUI HONG	Mổ sáo bảo thương nhĩ, vòm nhĩ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1908		15.29	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1909		15.292	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật nang rò quai lưỡi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1910		15.299	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật mở lai hốc mỡ cằm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1911		15.301	15. TAI MUI HONG	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1912		15.303	15. TAI MUI HONG	Thay băng vết mổ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1913		15.304	15. TAI MUI HONG	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1914		15.321	15. TAI MUI HONG	Nắn chỉnh hình thấp mũi sau chân thương	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1915		15.327	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật tái tạo hình tổn thương mắt chất vùng mắt bằng vật da, cân cơ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1916		15.331	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật cắt u da vùng mắt	Bs Yer Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BSCKI Răng Hàm Mát - Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1917		15.358	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài (ác tính)		Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1918		15.361	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	Bs Yer Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BSCKI Răng Hàm Mát
1919		15.363	15. TAI MUI HONG	Cắt phanh lưỡi	Bs Yer Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	BSCKI Răng Hàm Mát - Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1920		15.367	15. TAI MUI HONG	Nội soi đường hô hấp và tiêu hóa trên	Kpá Minh, Nguyễn Quang Kien, Huỳnh Diệp u Ph, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1921		15.368	15. TAI MUI HONG	Chích áp xe vùng đầu cổ		Chuyên khoa I Ngoại khoa - Chân thương
1922		15.391	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật mở cạnh cổ lấy dị vật (dị vật thực quản, hóa khí...)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1923		15.398	15. TAI MUI HONG	Đeo sức nghe lớn	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1924		15.41	15. TAI MUI HONG	Khâu vết rách vành tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1925		15.52	15. TAI MUI HONG	Bơm hơi vòm nhĩ	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1926		15.54	15. TAI MUI HONG	Lấy dị vật tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1927		15.55	15. TAI MUI HONG	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/gây tê	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1928		15.56	15. TAI MUI HONG	Chọc hút dịch vành tai	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1929		15.59	15. TAI MUI HONG	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1930		15.74	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1931		15.75	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1932		15.77	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1933		15.78	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1934		15.79	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1935		15.8	15. TAI MUI HONG	Cắt polyp mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1936		15.85	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhầy xoang	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1937		15.86	15. TAI MUI HONG	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh, u nang sản mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng

1938		15.91	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1939		15.94	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1940		15.97	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1941		15.98	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1942		15.99	15. TAI MŨI HONG	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	Bs Nguyễn Văn Châu, Bs Nguyễn Thị Sim	Chứng chỉ hành nghề Tai mũi Họng
1943		16.143	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi		
1944		16.144	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi		
1945		16.145	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay		
1946		16.146	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy lại khoảng băng khí cụ cố định		
1947		16.147	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm băng khí cụ cố định nong nhanh		
1948		16.162	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng băng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)		
1949		16.163	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng băng khí cụ cố định Nance		
1950		16.164	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng băng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)		
1951		16.189	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi		
1952		16.19	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi		
1953		16.191	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay		
1954		16.192	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng		
1955		16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lạy	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1956		16.209	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1957		16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1958		16.22	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy lại răng bị bắt khỏi ổ răng	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1959		16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hồ rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1960		16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hồ rãnh với Composite hóa trùng hợp	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1961		16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hồ rãnh bằng nhựa Sealant	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1962		16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hồ rãnh bằng Glasslonomer Cement	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1963		16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1964		16.23	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1965		16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1966		16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1967		16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đông cứng răng bằng Canxi Hydroxit	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1968		16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đông cứng răng bằng MTA	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1969		16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1970		16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1971		16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1972		16.3	16. RĂNG HÀM MẶT	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1973		16.34	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1974		16.37	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lạy bằng nẹp kim loại	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1975		16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lạy bằng dây cung kim loại và Composite	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1976		16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1977		16.4	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1978		16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1979		16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1980		16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1981		16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1982		16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1983		16.73	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng cố sử dụng pin ngà	Bs Yer	BSCKI Răng Hàm Mặt
1984		18.1	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tuyến giáp	(T)Nguyễn Văn Hùng	(T) CCHN số: 000182/9/ĐL-CCHN/QĐ 849/QĐ-
1985		18.1	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler u tuyến, hạch vùng cổ	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 000182/9/ĐL-CCHN/QĐ 849/QĐ-
1986		18.1	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp vai thẳng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1987		18.101	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1988		18.102	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1989		18.103	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1990		18.104	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1991		18.106	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1992		18.107	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1993		18.108	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1994		18.109	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1995		18.11	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm màng phổi	(T)Nguyễn Văn Hùng	(T) CCHN số: 000182/9/ĐL-CCHN/QĐ 849/QĐ-
1996		18.11	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1997		18.111	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1998		18.112	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
1999		18.113	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp gối bánh chè	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2000		18.114	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2001		18.115	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2002		18.116	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2003		18.117	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2004		18.118	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2005		18.119	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang ngực thẳng	(T)Nguyễn Văn Hùng	(T) CCHN số: 000182/9/ĐL-CCHN/QĐ 849/QĐ-
2006		18.12	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2007		18.12	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2008		18.121	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2009		18.122	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2010		18.123	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang định phổi ưỡn	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2011		18.124	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2012		18.125	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -
2013		18.127	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang tại giường	(T)Đặng Rô Bim	(T) CCHN số: 0005654/GL-CCHN/QĐ 2074/QĐ -

2014		18.13	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang thực quản da dày	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2015		18.131	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang ruột non	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2016		18.132	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang đại tràng	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2017		18.133	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang đường mật qua Kehr	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2018		18.135	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang đường rò	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2019		18.14	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang niều đồ tĩnh mạch (UIV)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2020		18.141	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang bể thận - niều quan xuôi dòng	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2021		18.142	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang niều quan - bể thận ngược dòng	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2022		18.143	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang niều đạo bàng quang ngược dòng	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2023		18.149	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT so não không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2024		18.15	18. ĐIỆN QUANG	Sieu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2025		18.15	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT so não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2026		18.151	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2027		18.153	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT mạch máu não (từ 1-32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2028		18.154	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT so não có dựng hình 3D (từ 1-32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2029		18.155	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hăm - mắt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2030		18.156	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hăm - mắt có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2031		18.158	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 1-32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2032		18.159	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2033		18.16	18. ĐIỆN QUANG	Sieu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2034		18.161	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hăm mắt có dựng hình 3D (từ 1-32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2035		18.165	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT so não không tiêm thuốc cản quang (từ 64- 128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2036		18.166	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT so não có tiêm thuốc cản quang (từ 64- 128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2037		18.167	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2038		18.168	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion) (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2039		18.169	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT mạch máu não (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2040		18.17	18. ĐIỆN QUANG	Sieu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2041		18.17	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT so não có dựng hình 3D (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2042		18.171	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hăm - mắt không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2043		18.172	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hăm - mắt có tiêm thuốc cản quang (từ 64- 128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2044		18.173	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hăm mắt có ứng dụng phần mềm nha khoa (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2045		18.174	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 64- 128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2046		18.175	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2047		18.176	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2048		18.177	18. ĐIỆN QUANG	Chụp CLVT hăm mắt có dựng hình 3D (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2049		18.19	18. ĐIỆN QUANG	Sieu âm ống tiêu hóa (da dày, ruột non, đại tràng)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2050		18.191	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2051		18.192	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2052		18.193	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2053		18.197	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2054		18.198	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2055		18.2	18. ĐIỆN QUANG	Sieu âm các tuyến nước bọt	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2056		18.2	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2057		18.201	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2058		18.202	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2059		18.203	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tâm soát u (từ 64- 128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2060		18.204	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2061		18.205	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2062		18.206	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2063		18.207	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2064		18.208	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính tĩnh mạch chủ dưới (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2065		18.21	18. ĐIỆN QUANG	Sieu âm doppler các khối u trong ổ bụng	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2066		18.219	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2067		18.22	18. ĐIỆN QUANG	Sieu âm doppler gan lách	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2068		18.22	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2069		18.222	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2070		18.223	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2071		18.231	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2072		18.232	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2073		18.233	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính từ	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2074		18.234	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2075		18.235	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2076		18.236	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2077		18.237	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2078		18.24	18. ĐIỆN QUANG	Sieu âm doppler động mạch thần	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2079		18.242	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 64-128 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2080		18.255	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống có không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2081		18.256	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống có có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2082		18.257	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2083		18.258	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2084		18.259	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1-	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2085		18.26	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2086		18.261	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1-	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2087		18.262	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2088		18.266	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2089		18.267	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 1- 32 dây)	(Đ)Đang chờ tin	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -

2090		18.27	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2091		18.271	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2092		18.272	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2093		18.273	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2094		18.274	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2095		18.275	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2096		18.279	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân (từ 64-128 dày)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2097		18.28	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 64-128 dày)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2098		18.281	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 64-128 dày)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2099		18.29	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler tĩnh mạch chậu, chi dưới	(1)Nguyễn Văn Hùng	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2100		18.296	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ sọ não (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2101		18.297	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2102		18.298	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2103		18.299	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản (0,2-1,5T)	(1)Nguyễn Văn Hùng	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2104		18.3	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm cơ phận mềm vùng cổ mặt	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2105		18.309	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ đầu sọ và xương đá (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2106		18.31	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ vùng mắt - cổ (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2107		18.311	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ vùng mắt - cổ có tiêm tương phản (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2108		18.312	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ sọ não chức năng (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2109		18.313	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2110		18.314	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm chất tương phản (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2111		18.315	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Helix) (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2112		18.319	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ tạng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2113		18.32	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ tạng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2114		18.321	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ từ cùng - phần	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2115		18.322	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu độ hậu môn (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2116		18.323	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2117		18.333	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2118		18.334	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2119		18.335	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2120		18.336	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2121		18.337	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2122		18.338	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2123		18.339	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2124		18.34	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ khớp (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2125		18.341	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1) CCHN số: 000654/ GL- CCHN- QĐ 2074/QĐ -
2126		18.342	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp (0,2-1,5T)	(1)Đường rô tim	(1

2166		18.89	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	(1) Hướng no đơn	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2167		18.9	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm doppler học mắt	(1) Nguyên văn thực	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2168		18.9	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	(1) Bảng rõ chữ	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2169		18.91	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	(1) Bảng rõ chữ	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2170		18.92	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên	(1) Bảng rõ chữ	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2171		18.93	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	(1) Bảng rõ chữ	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2172		18.94	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống thắt lưng đồng, sấp ưỡn	(1) Bảng rõ chữ	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2173		18.96	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống cùng cột thẳng nghiêng	(1) Bảng rõ chữ	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2174		18.97	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên	(1) Bảng rõ chữ	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2175		18.98	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khung chậu thẳng	(1) Bảng rõ chữ	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2176		18.99	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch	(1) Bảng rõ chữ	(1) CCHN số: 0005654/GL-CCHN:QĐ 2074/QĐ -
2177		20.1	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN	Nội soi thành quản ống mềm chẩn đoán		
2178		20.13	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN	Nội soi tại mũi họng		
2179		20.8	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết		
2180		21.14	21. THAM DO CHỨC NĂNG	Điện tim thường		
2181		21.66	21. THAM DO CHỨC NĂNG	Đo âm ọc tại (OAE) chẩn đoán		
2182		21.69	21. THAM DO CHỨC NĂNG	Đo âm ọc tại (OAE) sàng lọc		
2183		21.76	21. THAM DO CHỨC NĂNG	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel		
2184		21.82	21. THAM DO CHỨC NĂNG	Đo sắc giác		
2185		22.1	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time). (Các tên khác: TO: Tỷ lệ	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2186		22.102	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Sức bền thấm thấu hồng cầu	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2187		22.11	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2188		22.117	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định lượng sắt huyết thanh	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2189		22.118	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Dẫn tiểu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2190		22.119	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2191		22.12	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2192		22.12	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2193		22.121	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2194		22.123	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2195		22.124	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trừ)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2196		22.125	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2197		22.13	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2198		22.134	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2199		22.135	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2200		22.137	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Tim hồng cầu có chấm ưa bazơ	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2201		22.138	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Tim kỹ sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2202		22.14	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Tim gợn chỉ trong máu	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2203		22.142	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2204		22.144	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Tim tế bào Hargraves	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2205		22.149	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm tế bào cần nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2206		22.15	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2207		22.151	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Cân Addis	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2208		22.152	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2209		22.153	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2210		22.154	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai	
2211		22.157	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Chụp ảnh màu tế bào qua kính hiển vi	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai	
2212		22.16	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Thế tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2213		22.161	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng quang kế	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2214		22.162	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trừ)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2215		22.163	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2216		22.164	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2217		22.166	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Xét nghiệm tế bào bạch (hạch đồ)	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai	
2218		22.167	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Lâm thủ thuật sinh thiết hạch	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai	
2219		22.169	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Lâm thủ thuật chọc hút lách lâm lách đồ	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai	
2220		22.2	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time). (Các tên khác: TO: Tỷ lệ	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2221		22.2	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2222		22.21	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Cơ cục máu đông (tên khác: Co cục máu)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2223		22.22	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Nhiệm pháp dây thắt	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2224		22.23	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định lượng D-Dimer	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2225		22.256	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định danh kháng thể bất thường (kỹ thuật ống nghiệm)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2226		22.267	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (kỹ thuật ống nghiệm)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2227		22.268	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (kỹ thuật ống	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2228		22.271	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (kỹ thuật ống nghiệm)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2229		22.274	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (kỹ thuật ống nghiệm)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2230		22.279	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2231		22.28	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phản đã)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2232		22.281	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu khó hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2233		22.283	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên giấy)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2234		22.284	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên thẻ)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2235		22.285	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2236		22.286	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2237		22.287	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2238		22.288	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2239		22.29	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định lượng yếu tố đông máu nội sinh VIIIc, IX, XI	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2240		22.291	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	
2241		22.292	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MAU	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phản đã)	CN: Nguyễn Thị Lê Xuân CKI.XN và TN Kim Thu CN: Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm	

2242		22.293	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) bằng công nghệ hồng cầu gắn từ	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2243		22.294	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2244		22.295	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xác định kháng Nguyên, Phan Lý Phức D yếu của hệ Rh (kỹ thuật ống	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2245		22.296	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xác định kháng Nguyên, Phan Lý Phức D yếu của hệ Rh (kỹ thuật	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2246		22.3	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng yếu tố đông máu ngoại sinh II, V,VIII, X	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2247		22.302	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Nhiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật Scagel/Gelcard trên máy bán	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2248		22.304	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Nhiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2249		22.308	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Nhiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2250		22.309	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Nhiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2251		22.347	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm kháng thể kháng dsDNA (ngưng kết latex)	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2252		22.352	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Điện di huyết sắc tố	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2253		22.4	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2254		22.456	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiện máu đối với người hiến máu	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2255		22.457	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Lấy mẫu toàn phần từ người hiến máu	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2256		22.458	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2257		22.461	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2258		22.462	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2259		22.463	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2260		22.466	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm sàng lọc kỹ sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2261		22.487	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Rửa hồng cầu/tiền cầu bằng máy ly tâm lạnh	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2262		22.499	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Rút máu để điều trị	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2263		22.5	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial	Thực hiện tại các khoa lâm sàng		
2264		22.501	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Truyền máu tại giường bệnh (người bệnh điều trị nội - ngoại trú)	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2265		22.502	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	Thực hiện tại các khoa lâm sàng		
2266		22.57	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng Heparin	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2267		22.6	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2268		22.607	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm hồng cầu	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2269		22.608	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2270		22.609	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Sudan đen	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2271		22.61	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Periodic	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2272		22.625	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xác định bất đồng nhóm máu mẹ con (kỹ thuật ống nghiệm)	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2273		22.79	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng Acid Folic	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2274		22.8	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2275		22.9	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2276		23.1	23. HOA SINH	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2277		23.103	23. HOA SINH	Xét nghiệm Khí máu [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2278		23.104	23. HOA SINH	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2279		23.11	23. HOA SINH	Định lượng Amoniac (NH3) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2280		23.11	23. HOA SINH	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2281		23.115	23. HOA SINH	Định lượng Malondialdehyd (MDA) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2282		23.13	23. HOA SINH	Định lượng Pro-calcitonin [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2283		23.133	23. HOA SINH	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2284		23.142	23. HOA SINH	Định lượng RF (Rheumatoid Factor) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2285		23.143	23. HOA SINH	Định lượng Sắt [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2286		23.147	23. HOA SINH	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2287		23.148	23. HOA SINH	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2288		23.156	23. HOA SINH	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2289		23.158	23. HOA SINH	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2290		23.159	23. HOA SINH	Định lượng Troponin T [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2291		23.162	23. HOA SINH	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2292		23.166	23. HOA SINH	Định lượng Ure máu [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2293		23.169	23. HOA SINH	Định lượng Vitamin B12 [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2294		23.173	23. HOA SINH	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2295		23.179	23. HOA SINH	Định tính beta hCG (test nhanh) [niệu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2296		23.18	23. HOA SINH	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2297		23.186	23. HOA SINH	Định tính Đường chẩn [niệu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2298		23.187	23. HOA SINH	Định lượng Glucose [niệu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2299		23.188	23. HOA SINH	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2300		23.19	23. HOA SINH	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2301		23.193	23. HOA SINH	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2302		23.194	23. HOA SINH	Định tính Morphine (test nhanh) [niệu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2303		23.195	23. HOA SINH	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2304		23.196	23. HOA SINH	Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2305		23.2	23. HOA SINH	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2306		23.206	23. HOA SINH	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2307		23.207	23. HOA SINH	Định lượng Clo [dịch não tủy]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2308		23.208	23. HOA SINH	Định lượng Glucose [dịch não tủy]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2309		23.209	23. HOA SINH	Phản ứng Pandv [dịch]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2310		23.21	23. HOA SINH	Định lượng Protein [dịch não tủy]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2311		23.214	23. HOA SINH	Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2312		23.215	23. HOA SINH	Định lượng Cholesterol toàn phần [dịch chọc dò]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2313		23.216	23. HOA SINH	Định lượng Creatinin [dịch]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2314		23.217	23. HOA SINH	Định lượng Glucose [dịch chọc dò]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2315		23.219	23. HOA SINH	Định lượng Protein [dịch chọc dò]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2316		23.22	23. HOA SINH	Phản ứng Rivalta [dịch]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		
2317		23.24	23. HOA SINH	Định lượng hCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]	CN. Nguyễn Thị Lê Xuân CRI.XN.Vũ Thị Kim Thu.CN. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm		

2318		23.244	23. HOA SINH	Phản ứng CRP	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2319		23.25	23. HOA SINH	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2320		23.26	23. HOA SINH	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2321		23.27	23. HOA SINH	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2322		23.28	23. HOA SINH	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2323		23.29	23. HOA SINH	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2324		23.3	23. HOA SINH	Định lượng Acid Uric [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2325		23.3	23. HOA SINH	Định lượng Canxi ion hóa [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2326		23.32	23. HOA SINH	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2327		23.33	23. HOA SINH	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2328		23.34	23. HOA SINH	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2329		23.35	23. HOA SINH	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2330		23.39	23. HOA SINH	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2331		23.41	23. HOA SINH	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2332		23.44	23. HOA SINH	Định lượng CK-MB mass (Isozym MB of Creatine kinase mass) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2333		23.5	23. HOA SINH	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2334		23.51	23. HOA SINH	Định lượng Creatinin (máu)	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2335		23.58	23. HOA SINH	Điểm giải độ (Na, K, Cl) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2336		23.63	23. HOA SINH	Định lượng Ferritin [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2337		23.67	23. HOA SINH	Định lượng Folate [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2338		23.68	23. HOA SINH	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2339		23.69	23. HOA SINH	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2340		23.7	23. HOA SINH	Định lượng Albumin [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2341		23.75	23. HOA SINH	Định lượng Glucose [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2342		23.76	23. HOA SINH	Định lượng Globulin [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2343		23.77	23. HOA SINH	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2344		23.83	23. HOA SINH	Định lượng HbA1c [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2345		23.84	23. HOA SINH	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2346		23.9	23. HOA SINH	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2347		23.98	23. HOA SINH	Định lượng Insulin [Máu]	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2348		24.1	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Vi khuẩn nhuộm soi	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2349		24.103	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Ureaplasma urealyticum test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2350		24.108	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Virus test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2351		24.117	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2352		24.118	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2353		24.119	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg miễn dịch tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2354		24.121	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg định lượng	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2355		24.122	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2356		24.123	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2357		24.124	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb định lượng	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2358		24.127	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2359		24.13	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2360		24.131	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2361		24.132	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg miễn dịch tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2362		24.133	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2363		24.134	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2364		24.135	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb miễn dịch tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2365		24.144	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV Ab test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2366		24.145	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV Ab miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2367		24.146	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV Ab miễn dịch tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2368		24.147	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2369		24.148	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2370		24.155	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HAV Ab test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2371		24.156	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HAV IgM miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2372		24.157	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HAV IgM miễn dịch tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2373		24.16	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Vi hệ đường ruột	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2374		24.163	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HEV Ab test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2375		24.164	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HEV IgM test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2376		24.165	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HEV IgM miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2377		24.166	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HEV IgM miễn dịch tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2378		24.167	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HEV IgG miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2379		24.168	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HEV IgG miễn dịch tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2380		24.169	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HIV Ab test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2381		24.17	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2382		24.17	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HIV Ag/Ab test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2383		24.18	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2384		24.183	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus NS1Ag test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2385		24.184	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2386		24.185	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus IgA test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2387		24.186	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2388		24.187	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2389		24.188	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2390		24.189	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2391		24.2	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Vi khuẩn test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2392		24.21	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Mycobacterium tuberculosis Mantoux	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH
2393		24.225	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	EV71 IgM/IgG test nhanh	C.N. NGUYEN THI LE ANH C.KIEN VU THI KIM THU C.N. NGUYEN THI NGOC MY LINH

2394	24.243	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Influenza virus A, B test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2395	24.246	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	JEV IgM miễn dịch bán tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2396	24.249	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Rotavirus test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2397	24.25	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Rotavirus Ag miễn dịch bán tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2398	24.254	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Rubella virus Ab test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2399	24.263	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2400	24.264	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Hồng cầu trong phân test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2401	24.265	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Đơn bào đường ruột soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2402	24.266	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2403	24.267	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Trứng giun, sán soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2404	24.268	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Trứng giun soi tập trung	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2405	24.269	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2406	24.27	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Cryptosporidium test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2407	24.275	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2408	24.28	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2409	24.281	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Entamoeba histolytica(Amin) Ab miễn dịch tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2410	24.282	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2411	24.283	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2412	24.284	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Eilana (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2413	24.289	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2414	24.291	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2415	24.294	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2416	24.296	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2417	24.297	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2418	24.3	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2419	24.305	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Demodex soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2420	24.306	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Demodex nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2421	24.307	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2422	24.308	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2423	24.309	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Sarcoptes scabiei hominis (Ghê) soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2424	24.31	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Sarcoptes scabiei hominis (Ghê) nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2425	24.317	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Trichomonas vaginalis soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2426	24.318	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2427	24.319	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi nấm soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2428	24.32	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi nấm test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2429	24.321	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi nấm nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2430	24.329	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2431	24.33	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2432	24.331	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2433	24.332	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2434	24.338	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Cryptococcus test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2435	24.4	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thông tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2436	24.42	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vibrio cholerae soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2437	24.43	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vibrio cholerae nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2438	24.49	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2439	24.5	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thông tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2440	24.56	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Neisseria meningitidis nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2441	24.6	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2442	24.6	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Chlamydia test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2443	24.64	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Chlamydia PCR	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2444	24.68	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Clostridium nuôi cấy, định danh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2445	24.69	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Clostridium difficile miễn dịch bán tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2446	24.7	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Clostridium difficile miễn dịch tự động	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2447	24.73	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Helicobacter pylori Ag test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2448	24.74	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Helicobacter pylori Ab test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2449	24.77	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Helicobacter pylori PCR	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2450	24.8	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Leptospira test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2451	24.85	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Mycoplasma hominis test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2452	24.93	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Salmonella Widal	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2453	24.94	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Streptococcus pyogenes ASO	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2454	24.95	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Treponema pallidum soi tươi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2455	24.96	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Treponema pallidum nhuộm soi	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2456	24.98	24. VI SINH - KỸ SINH TRÙNG	Treponema pallidum test nhanh	C.N. Nguyễn Thị Lê Anh C.K. Lân và T.N. Kim và C.N. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Lâm
2457	25.13	25. GIAI PHAU BỆNH	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2458	25.15	25. GIAI PHAU BỆNH	Chọc hút kim nhỏ các hạch	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2459	25.19	25. GIAI PHAU BỆNH	Chọc hút kim nhỏ mô mềm	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2460	25.2	25. GIAI PHAU BỆNH	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2461	25.2	25. GIAI PHAU BỆNH	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2462	25.21	25. GIAI PHAU BỆNH	Tế bào học dịch màng khớp	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2463	25.22	25. GIAI PHAU BỆNH	Tế bào học nước tiểu	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2464	25.23	25. GIAI PHAU BỆNH	Tế bào học đờm	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2465	25.24	25. GIAI PHAU BỆNH	Tế bào học dịch chài phế quản	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2466	25.25	25. GIAI PHAU BỆNH	Tế bào học dịch rửa phế quản	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2467	25.26	25. GIAI PHAU BỆNH	Tế bào học dịch các tổn thương đang nang	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2468	25.27	25. GIAI PHAU BỆNH	Tế bào học dịch rửa ổ bụng	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai
2469	25.3	25. GIAI PHAU BỆNH	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cổ định, chuyển, đúc, cắt.	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai

2470		25.35	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2471		25.37	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Nhuộm hai màu Hematoxyline- Eosin	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2472		25.38	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Nhuộm ba màu theo phương Nhuộm 3 màu của Masson (1929)	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2473		25.59	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Nhuộm Giemsa trên mảnh cắt mô nhât hiện HP	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2474		25.6	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2475		25.61	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Nhuộm hóa mô miễn dịch cho một một dấu ấn	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2476		25.69	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Nhuộm PAS kết hợp xanh Alcian	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2477		25.73	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Lav bệnh phẩm làm phiến đồ tế bào cổ tử cung - âm đạo	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2478		25.74	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2479		25.75	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Nhuộm Diff - Quick	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2480		25.76	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Nhuộm Giemsa	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2481		25.79	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Cell bloc (khôit tế bào)	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2482		25.89	25. GIẢI PHẪU BỆNH	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	Gửi bệnh viện đa khoa Gia Lai		
2483		27.137	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị khe hoành	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2484		27.14	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cố định dạ dày	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2485		27.141	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2486		27.144	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2487		27.166	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2488		27.167	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2489		27.172	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2490		27.173	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2491		27.174	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên động	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2492		27.175	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2493		27.177	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2494		27.178	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2495		27.179	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở hông trắng ra da	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2496		27.18	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở hồi tràng ra da	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2497		27.181	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy di vật	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2498		27.183	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2499		27.188	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2500		27.189	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt lại môn ruột thừa	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2501		27.19	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2502		27.191	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2503		27.208	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên động	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2504		27.208b	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2505		27.209	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2506		27.227	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2507		27.232	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2508		27.234	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng trong điều trị sa trực tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2509		27.261	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt nang gan	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2510		27.263	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2511		27.274	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2512		27.276	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung - hồng tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2513		27.283	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi nội OMC - tá tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2514		27.304	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2515		27.305	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2516		27.306	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2517		27.307	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2518		27.328	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ổ hoành	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2519		27.329	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2520		27.33	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2521		27.331	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2522		27.332	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2523		27.333	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2524		27.334	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị)	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2525		27.335	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2526		27.336	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2527		27.347	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt chom nang thần qua phúc mạc	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2528		27.348	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt nang thần qua phúc mạc	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2529		27.349	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt chom nang thần sau phúc mạc	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2530		27.35	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt nang thần sau phúc mạc	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2531		27.363	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi tạo hình khác nối niệu quản - bàng quang	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2532		27.392	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2533		27.404	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi hạ tĩnh hoàn ấn	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2534		27.405	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt tĩnh hoàn trong ổ bụng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2535		27.406	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tĩnh	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2536		27.414	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt khối chứa ngoài tử cung	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2537		27.5	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi tạo hình môn vị	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2538		27.501	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi thăm dò sinh thiết gan hoặc tụy, hoặc ...	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		
2539		27.502	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi nối nang ống mật chủ - tá tràng	Đặng Hữu Chiến , Phạm Phi Đen, Mai Chí Sơn, Nguyễn Ngọc Triều, Trần Thị Thanh Hiền		